NĂM THỨ BA — Số 119 Thứ năm 4 Novembre 1943

TRI TÂN

SỐ ĐẶC SAN VỀ THANH NIÊN

trong lịch-sử và văn-học Việt-nam

(TẬP THỨ NHẤT)

知新

MỤC-LỤC

Ngó sơ thanh niên Việt-nam... Hoa-Bằng

Thanh-niên với cuộc cải-cách văn-học Lê-Thanh

Một đại-biểu của tinh-thần thanh-niên... Minh-Tuyền

Thanh-niên đời xưa Ứng-Hòe

Đi thăm Đông-dương học-xá Cách-Chi và Mạnh-Phan

Các sinh-viên đã nói gì về Đ. Đ. H. X.? Phạm-mạnh-Phan

Thanh-niên công-chức với quốc văn Vị-Dung

Thanh-niên và nghị-lực Ái-Lang và Bích-Câu

Nữ thanh-niên với vấn-đề cần-lao... Bà Mộng-Sơn

0$30

Ngó so' thanh-niên Việt nam QUA MẤY TRANG LỊCH SỬ

HOA-BẰNG

TRƯỚC cuộc Đại chiến hiện thời, đa số thanh-niên Việt-nam, đã có một giạo, quá chạy đuổi cái bóng « văn minh », quá say-sưa cái bả lãng-mạn, xô nhau lao mình xuống vực « tự bạo, tự khí » làm cho lắm người đứng ngoài cũng phải động lòng thương hại, la lớn những tiếng : « *Cấp cứu thanh-niên ! Cứu tạo thanh niên !* »

Nhưng, « trăng đến rằm thì tròn », bài học của thời-thế đã dạy người ta phải dần dần tỉnh.

Dẫu vậy, tựu trung có hạng bấy còn « ngái ngủ », chưa kịp tỉnh-tạo, không khỏi chác lấy những tiếng phê bình quá vội vàng, quá nghiêm khắc : « *Ở đây làm gì có thanh-niên !* » Hoặc : « *Nào thanh-niên đâu ?* »

Để trả lời những ai hiểu lầm như thế, chúng ta ngày nay cần phải xét thanh-niên Việt nam qua lịch-sử xem những lời phê bình kia quả chăng có đúng.

***

Thanh niên Việt-nam vốn giàu khí-phách. — Sử chép : Tháng 8, năm nhâm ngọ, niên-hiệu Thiệu bảo thứ tư (1282), vua Trần Nhân-Tông (1279 1293) được tin Toa Đô, hữu thừa tướng nhà Nguyên, đem 50 vạn quân sang xâm nhưng thanh ngôn rằng mượn đường đi đánh Chiêm-thành.

Tháng 10 năm ấy (1282), vua đi Bình than, đóng ở bên Trần-sá, họp các vương hầu và bách quan bàn chước công thủ và chia quân đóng giữ những nơi hiểm-yếu.

Hoài-văn-hầu Quốc-Toản thấy mình, vì tuổi nhỏ, không được dự cuộc quân-sự hội nghị ấy, trong lòng bao xiết thẹn-thùng tức-bực, đến nỗi tay cầm quả cam, bóp nát lúc nào không biết !

Rồi Quốc-Toản lui về nhà, đốc suất gia-nô và thân-thuộc được hơn nghìn người, sửa khí giới, sắm chiến thuyền, kéo cao lá cờ đề rõ sáu chữ hùng kiện : « *phá cường địch, báo hoàng ân* ». Hễ ra trận đánh giặc, chàng trẻ người nhưng gan dạ ấy bao giờ cũng đi đầu quân lính.

Trước mũi nhọn của toán quân thanh-niên anh-dũng đó, quân giặc vẫn phải lui tránh, chứ không dám đương đầu. (Theo *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 5, tờ 41b-43a).

***

Thanh - niên Việt - nam cũng biết mổ bụng. — Trần Phương-Bính, con tiến-sĩ Trần Danh - Tố đời cố Lê, người làng Ngọc-điền, huyện Thạch-hà, xứ Nghệ-an, sớm thông-sáng, lanh-lẹ, lại có khí-tiết.

Bấy giờ vua Quang - Trung (1788 1792), vì muốn biết rõ số dân đinh trong nước để tiện việc tuyển lính, mưu đánh Lưỡng Quảng (Quảng-đông, Quảng-tây), buộc phải thi-hành chế-độ cưỡng-bách tòng quân, nên mới cấp phát « Tín - bài » khắp vòng dân-chúng (1).

Phương Bính nghĩ mình là dòng-dõi một nhà khoa-hoạn ở triều Lê cũ, ôm chí chống lại tân-triều, không chịu đeo cái thẻ bài có bốn chữ « Thiên-hạ đại-tín » ấy.

Dẫu vậy, triều Tây-sơn cũng tỏ lượng rộng dung đối với những phần-tử phản-động, nên trấn-thủ Nghệ - an Nguyễn Quang Diệu chẳng những tha bổng Phương-Bính, lại còn khen ngợi là người hiền nữa

Sau Phương - Bính được các cống-sĩ và thổ-hào trong vùng cử làm quân - sư, khi họ đã tổ-chức xong một toán quân ở Nga-khê, huyện Thiên-lộc (trấn Nghệ-an).

Rồi họ kéo đến làng Bình lãng bên núi Hồng, giao chiến với Tây-sơn.

Thua trận, Phương-Bính trèo lên ngọn cao nhất trong dãy Hồng-sơn, chính tay đề bài thơ này vào vách đá trước khi rút dao mổ bụng tự sát :

報 國 無 長 策
隨 身 有 短 刀
回 頭 鴻 嶺 上
九 十 九 峰 高

« Báo quốc vô trường sách,
Tùy thân hữu đoản đao,
Hồi đầu Hồng lĩnh thượng,
Cửu thập cửu phong cao ! »

Theo (« An-nam nhất thống chí »)

Dịch :

Đền nước, khôn xoay chước !
Bên mình, sẵn giắt đao.
Non Hồng, kìa, ngoái lại :
Chín mươi chín ngọn cao !

*
* *

Thanh - niên Việt - nam rất thông minh. — *Đại Nam đồng văn nhất báo*, số 43, ngày mồng 3; tháng 6, năm nhâm - thìn, niên hiệu Thành-thái thứ tư (26 Juin 1892) đăng tin mấy ông mới đỗ đại-khoa, dưới cái đầu đề « Thiên môn kim bảng » (trang 4), có nói về ông nhị-giáp tiến-sĩ xuất thân (tức hoàng-giáp) Nguyễn Thượng Hiền, đại khái : Ông là con cụ Hộ-bộ tham-tri Nguyễn Phiên. Người có thiên-tài, hồi lên bảy tuổi, đã làm được câu đối ứng khẩu. Các bậc tấn-thân thường lấy chữ súc trong chính văn Kinh Truyện mà ra câu đối cho « cậu », dù khó đến đâu « cậu » cũng đối được lập tức. Khi coi sách, cậu liếc mắt một cái là xem được đến vài giòng chữ. Người ta cho cậu là bực thần-đồng. Chưa đến tuổi nhược-quán (chưa đầy 20 tuổi), cậu đã đỗ Hương. Khoa ất-dậu (1885) trước, đã vào điện thị, gần đậu tiến-sĩ, nhưng vì bấy giờ nước nhà có việc, nên không kịp truyền lô (cũng như lễ xướng danh ở trường Hương). Nay (1892) lại lên cung trăng, bẻ cành quế.

*
* *

Coi mấy truyện cử ra làm lệ trên đây, đủ biết thanh-niên ta có nhiều tính khả-năng tốt. Không cứ ở thời-đại nào, những tính khả-năng tốt ấy cũng biểu-lộ một cách rõ-rệt.

Chứng-cớ đó lại càng tỏ rõ từ khi người mình xoay theo tân-học : từ văn-học, triết-học đến khoa-học này khác, thanh-niên Việt-nam đều đuổi kịp hoặc vượt hơn nhiều thanh-niên ngoại-quốc.

Thật vậy, về mặt học-vấn, tri-thức, ai cũng phải nhìn nhận rằng, từ khi tiếp-xúc Tây phương, thanh-niên ta đã tỏ ra rất tân-tới. Nhưng, về mặt đạo-đức, không khỏi có phần suy-sút kém xưa. Nhất là từ khoảng năm 1932 trở đi, nhiều người ngã xuống cái hố bại-hoại « tầm-luân », không sao rút chân lên được ! Xét ra cũng vì nhiều cớ, mà mấy cớ có thể tạm nói được là :

1) Ảnh - hưởng của cuộc kinh - tế khủng - hoảng. — Từ năm 1932, xứ này gặp phải một cuộc khủng-hoảng về kinh-tế do cái kết quả sinh-sản quá độ ở ngoại giới tràn vào. Nền kinh-tế nông-nghiệp trong xứ bị lung lay, phần đông thanh-niên phải lìa chốn gia-đình ấm-cúng để đi tìm cơm áo ở những nơi xa lạ.

« Kho đụn có đầy thì dân mới biết lễ nghĩa ». Một khi bụng đói, cật rét, người ta khó lòng giữ được liêm-sỉ ngoài cái mục-đích tìm kế ấm no. Vì vậy, mỗi lần làn sóng kinh tế xô-đẩy là một lần cuốn theo đạo-đức ra cả biển Đông !

2) Ảnh-hưởng xã hội và văn-học bất chính. — Sau những cơn sóng gió chính-trị (1929-1932), xứ này trải qua một cuộc xao-xuyến về tinh-thần. Từ năm 1933 trở đi, phần đông có cái cảm-tưởng như chim sợ cung, nên ai cũng muốn tìm thú mua vui cho qua ngày tháng.

Tiệm nhảy đua nhau mở cửa.

Tiểu-thuyết lãng-mạn thi nhau ra đời.

Một số nam nữ thanh niên, với bộ óc hãy còn non nớt, chưa có chút kinh-nghiệm về việc đời, rất dễ bị hoàn-cảnh xấu lôi-cuốn và sách nhảm, truyện bậy dầu độc. Vì thế, đi theo cái phong trào « tài hoa son trẻ », trong đám nam nữ thanh-niên thường diễn lắm trò ô-trọc, bỉ ổi !

***

Nhưng may, tình-trạng ấy không kéo dài mãi. Cuộc Âu-chiến bùng nổ hồi tháng 9 năm 1939 đã xô thanh-niên ta về một xu-hướng khác trước.

a) Xu-hướng văn-học — Hình như đã chán lối văn phù phiếm trống-rỗng, thanh niên nay đương háo-hức đi tìm những cái gì là cao thâm hơn, thiết thực hơn.

Người ta đương gạt thơ văn ủy-mỹ phù phiếm ra một xó, hàng hái gây lấy lối thơ, lối văn hùng tráng hoặc để ca-tụng nhưng vo công hiển-hách của tổ-tiên, hoặc để giới thiệu cái tinh-thần cố hữu của giống nòi, hoặc để truyền bá những tư-tưởng ngoại-lai thích ứng với hoàn-cảnh và trình-độ của xã-hội.

Sách đứng-đắn sản-xuất mỗi ngày một nhiều. Ảnh-hưởng tuy chưa thâm thiết nhưng khả quan đã gây giữa công-chúng được một biểu-thượng đáng khuyen-khích Đó cũng là một bông « đà n-hoa » báo điềm lành trong vườn văn học Việt-nam.

(Xem tiếp trang 23)

THANH-NIÊN VIỆT-NAM

với một cuộc cải-cách văn-học ngày nay

LÊ-THANH

ĐỒNG thời với những cuộc cải-cách về chính-trị và xã-hội, trong vòng ba bốn năm nay người mình đã nghĩ đến việc cải cách cả văn-học.

Về tư tưởng, ta có thể ghi rằng nhà văn ta đã bỏ bớt những lề thói lãng mạn, đã xa dần những sự phù-phiếm, đã bớt ích kỷ; cái hoàn cảnh văn-chương không còn là những ca-lâu tửu-điếm, hoặc những nơi hành lạc khác, mà là gia-đình hoặc những phần tử xã hội cần lao khác.

Chỗ nào ta cũng nhận thấy sự cố-gắng của nhà văn để đi gần vào với bổn phận.

Về văn chương, nói về thể văn, có xu-hướng quay về sự giản-dị, trọng cái tinh thần Á-đông, hay nói hẹp lại, cái tinh thần Việt-nam. Bớt những câu văn trúc trắc bắt chước của Âu-tây, hoặc những tiếng bí hiểm đọc lên không hiểu gì cả.

***

Tuy nhiên, những sự cải cách ấy chưa thể làm cho ta mãn nguyện vì ngày nay trong văn-học ta còn bao nhiêu điều cổ hủ, bao nhiêu sự lầm-lẫn. Nếu muốn nó tiến mau hơn và có thể giúp vào việc gây một cái tinh thần mới cho người Việt-nam, ngày nay thanh-niên ta phải nghĩ đến việc cải-cách tận gốc cái văn-học của ta.

Trước khi nói cuộc cải cách văn học ấy phải như thế nào và dự tính những kết quả của cuộc cải-cách ấy, tôi hãy nói qua về cuộc cải-cách văn học của Trung-hoa trong hai mươi năm gần đây.

Người khởi xướng lên cuộc « *đại cách mệnh văn học* », — như người ta vẫn gọi thế, — là *Hồ-Thích*, một sinh-viên Tàu, sau này làm giáo-sư ở trường Đại học Bắc-kinh, hồi ấy đang theo học ở một trường Đại học bên Mỹ.

Năm 1915, Hồ gửi về đăng ở báo *Tân thiếu-niên* xuất bản ở Bắc-kinh một bản tuyên-ngôn lời lẽ rất là hùng hồn, xứng-đáng với một bản tuyên-ngôn của một cuộc cách mệnh văn-học :

« Ta phải cải-cách văn học của ta, cái văn học đã chết từ hơn hai nghìn năm nay. Vì cái tiếng dùng trong văn học không phải của chúng ta, nên nó không thích hợp với những nhu-cầu hiện thời. Ta phải đem tiếng ta ra khỏi sự khinh-miệt; nếu không, sẽ hại cho tất cả chúng ta. Vì điều ấy tôi xin tuyên bố những nghị-đề cách-mệnh sau này :

« Tất cả thi sĩ, nói chung, tất cả văn-sĩ phải có một « cái gì », gọi là đặc sắc của mình, cái ấy tức là tình cảm của chính mình, ý của chính mình, nghệ thuật của chính mình, chứ không phải ăn cắp của một ai. Viết văn lúc nào cũng phải tỏ là tân kỳ, như Trang-Tử, Đỗ-Phủ... Không được để cho sự hào phóng bề ngoài của cái từ-chương của ta lôi cuốn đi, mà làm những câu vô nghĩa...

.. « Vì lẽ ấy, ta không được in lại những cái cổ, đem ra để nhận là của riêng của mình. Mỗi một thời văn học có cái trọng-đại và cái đẹp riêng của nó. Vậy thì không vì lẽ gì mà cái văn chương của thời cổ lại cứ là cái mô-phạm của sự tận thiện tận mỹ...

...« Không một người nào được bắt chước cổ văn; bắt chước như thế chỉ là đi dật lùi, lưng quay lại với thời-đại mình sống mà thôi...

...« Đây là một bài thơ, lấy làm thí dụ của một nhà thơ ngày nay mà tôi gọi là một nhà tích trữ cổ vật làm hủ bại (1) văn chương ta... Hãy nghe :

« *Đến đâu, hễ thấy một cái suối là tôi chép thơ của Đỗ,*

« *Trong nửa năm tôi đã làm hỏi hàng ngàn ngòi bút...* (Trích).

« Các ngài có thấy không, đó là một lãnh-tụ của thời-đại văn chương mới! Hắn đã làm cùn hàng nghìn ngọn bút! Nhưng có phải đó là một kẻ nô lệ không! Nếu hắn ta dùng thì giờ ấy để viết một cái gì có đặc sắc riêng của mình có phải hơn không? Ít nhất hắn cũng không tự hạ thấp đến thế...

...«Bây giờ tôi nói rằng tôi không hiểu vì lẽ gì người ta lại rên-rỉ khi người ta không mang một bệnh-tật, có phải thế không ? Các ngài hãy xem những nhà thơ của ta ! Thí-dụ, mùa xuân đến. Các ngài đừng tưởng họ vui thú hưởng xuân. Trái lại : họ khóc ! Vì họ tưởng rồi đây xuân sẽ qua. Thu đến, họ lại khóc, khóc nhiều hơn nữa : vì họ nhìn thấy ở thu hình-ảnh của cái già của họ. Những thơ như thế ta có thể gọi là những lời bi thương nó phá-hoại quốc-gia của ta. Có thể những người mang cái trách nhiệm xây quốc-gia, những người thủ-lãnh của tư-tưởng quốc-gia viết như thế ư ! Các ngài hãy bảo cho tôi biết rằng người ta có thể giúp ích cho ai bằng nước mắt không ? — Không !...

...« Tôi nói, ta phải cố hết sức để đào-thải những cái kiểu-sức hủ-bại, những lời tầm thường nhan nhản trong thi ca ta, thí dụ như : « song lạnh », « chiều tà », « hồn đau », « chúa xuân »... Tất cả những tiếng ấy là những sáo ngữ, chỉ là những sáo ngữ.»...

Bài tuyên ngôn còn dài và còn nhiều đoạn có lý thú, nhưng tôi hãy ngừng lại đây để quay về với cái vấn-chương của ta.

Ta phải buồn rầu mà nhận văn chương ta ngày này về một vài phương-diện không khác gì văn chương Trung-hoa trước thời cách-mệnh, ngày nay nếu muốn tìm trong làng văn ta một số nhà văn « không ốm mà rên », như Hồ-Thích đã nói, là một việc không khó-khăn gì.

« Chao ôi mong nhớ ôi mong nhớ
« Một cánh chim thu lạc cuối ngàn !»
(Chế-lan-viên)

Thống-chế Pétain đã nói :

« Chúng ta phải chịu đựng sự lầm lỗi của các Chánh phủ trước. Họ đã đẩy chúng ta vào nơi tai nạn Ngày nay các ngươi phải theo kỷ luật ; bằng không thì gắng sức cũng là công dạ tràng. »

« Nhật ký nhòa đi mất cả rồi
« Chỉ còn vết mực ở hoen thôi !
« Biết rằng nên xé hay nên đốt
« Hay để mà thương đến mãn đời ?»
(Nguyễn Bính)

Và trong những tập xuất bản trong vòng năm ba năm nay, nếu ta muốn nhặt những « *sáo ngữ* », những hình-ảnh thơ cũ-kỹ, ta có một « bộ » khá nhiều : cũng « *hồn đau* » « *chiều tà* », *giang lạnh, gió về*, « *đau thương* » « *sầu hận* », « *chiếc bóng* », « *đêm thâu* », « *nhớ nhung* » « *hồn lạnh* », « *năm canh* », « *sáu khắc* », « *mơ-màng* » « *ngẩn ngơ* »...

Đấy là nói về thi ca. Về văn xuôi cũng vậy. Tả cảnh thì phải có *giăng*, có *núi*. Tả mùa thu thì phải có *cúc*, đông thì phải có *mai*... Thậm chí ở ta có người tả cảnh mà cũng nói đến cả *tuyết phủ, phượng bay*, mà thực thì ở ta mấy ai đã nhìn thấy *tuyết*, thấy *phượng !*

Trước cái tình-trạng ấy, thanh-niên ta nay phải làm những gì để mưu một cuộc cải-cách có lợi cho văn chương và tư-tưởng của ta ?

Tôi không dám vạch ra đây một chương-trình cải-cách vì công-cuộc thì mông-mênh mà óc mình thì thiển cận ! Tôi chỉ dựa theo lời tuyên ngôn của nhà cách-mệnh văn học Trung hoa mà trình bày một vài ước vọng, gọi là một tiếng nhỏ của một người trẻ tuổi yêu quốc văn vẫn cầu nguyện cho quốc văn có một tương lai rực-rỡ.

Nhà văn ta mỗi khi viết cũng phải có cái « *sở đắc* » riêng của mình, chữ của mình, ý của mình, tình cảm của mình, nghệ thuật của mình. Cái lối mượn chữ ghép câu của cổ nhân như ta thường làm, ngày nay đã đến lúc không thích hợp nữa rồi.

Lại phải trọng sự thành thực, và nên loại dần những tình cảm đem phóng-đại bằng những phương tiện văn-chương.

Bỏ cái lối « không ốm mà rên, xuân đến thì khóc vì rồi xuân sẽ đi, thu đến thì khóc vì thu buồn » Những văn chương ủy mỹ chỉ làm nhụt chí khí, làm héo lả tâm hồn

Phải bỏ... và bỏ, vì ngày nay nhà văn thanh-niên Việt nam còn có một trọng trách là gây lấy cái tinh thần mạnh-mẽ cứng-cỏi không những cho mình mà còn cho tất cả những người xung quanh mình. Cái tinh-thần ấy đang cần cho sự kiết-thiết một văn chương xứng-đáng và một quốc-gia đủ điều-kiện để sinh tồn trong buổi cạnh tranh này.

LÊ-THANH

---

1) Chính ý của nguyên ta : là « ướp văn chương cho khô đi để giữ đời đời »

Một đại-biểu của tinh-thần thanh-niên muôn thủa :

TRẦN-BÌNH-TRỌNG (1)

MINH-TUYỀN

Đâu là phút vọt cao giòng máu Việt
Nhuốm trời xanh, tô điểm nước non Hồng ?
Đâu là phút dụng rơi đầu dũng kiệt
Để muôn nam con cháu tiếng anh-hùng ?
Trần-Bình Trọng ! Trời ơi ! tên sấm sét
Động Nam-bang, xoay lệch đất Long-thành !
Trần Bình-Trọng ! Linh thay ! tên bất diệt
Đáy tâm tràng dân tộc biết hy-sinh !
Một cổ đứt ! oai danh lừng trướng hổ,
Giục ba quân kíp giả nợ thù chung.
Một cổ cứng ! ngàn thu ran tiếng vỗ
Dậy năm châu ca tụng giống Tiên Rồng.

***

Đây sát-khí mù trời tuôn ngùn-ngụt
Tự rừng gươm sáng-loáng rọi bình-minh !
Đây trống giục, chiêng khua, cờ phất-phất,
Ngựa voi lồng, chuyển động đám hùng-binh
Quanh đài tướng uy-nghi cao chót-vót,
Tỏa hương trầm, nghi-ngút khói vờn mây,
Phô nhung gấm muôn màu soi ánh ngọc,
Kiếm-quang vàng, tia bạc, tán tàn bay...
Một đại-tự, như chim bằng cánh lụa,
Sắc lung-linh kim-tuyến lẫn tơ hồng,
Đang xoay múa lượn-lờ theo nhịp gió :
Một chữ « Nguyên » (元) nghạo-nghễ giữa từng không,
Nhìn hồ Bạc buồn-thiu nằm phẳng-lặng,
Ngắm non Hùng ủ-rũ mộng hoang-mang,
Cười sông Nhị lê-thê, giòng thẳng-thẳng,
Giễu thành Long ngắc-ngải, cảnh điêu-tàn.
Thần-công nổ : ba quân yên hàng ngũ,
Trên đài cao, Mòng-tướng vẻ oai-nghiêm.
Thần-công nổ : trong bầu không khó thở,
Vật im-lìm, cây cỏ cũng im lìm.
Tiết xuân lạnh giải sầu bao vũ-trụ.
Giá tê-tê thấm đất tận can tràng.
Trời xanh thẳm, hoa mây hồng, trắng nở,
Bóng triêu-dương hé mở túi tung vàng.
Ngôi chủ-súy, Thoát-Hoan ngồi chễm-chệ,
Chống gươm trần, tư-lự ngắm chân đài,
Bỗng nhỏm dậy, say-sưa nhìn bốn phía :
« Bể đao thương, sóng lặng, bể anh-tài... ».
Mặt hoan-hỷ : « Kia xa-xa giải lại
« Một tướng Nam danh tiếng đã vang lừng,
« Đã bao trận làm binh ta hoảng mãi
« Bởi cánh tay mạnh-mẽ tựa vua rừng,
« Đã bị bắt ở khúc sông Thiên-mặc
« Vì thế cô muốn đạt việc phi-thường,
« Và sắp phải lạy ta, qùy trước bực :
« Hồ sa vòng lưới cạm cũng nên thương... »
Mặt nổi giận : Trần Tướng-quân Bình-Trọng,
Vẻ hiên-ngang, đứng thẳng, vững như đồng,
Tay bị trói, quặt sau lưng, máu đọng
Tím bầm-bầm, cánh khuỷu bó song-song ;
Thân mười thước, râu hùm, đầu mũ sắt,
Giáp tả-tơi, thương-tích lộ rành-rành,
Nhìn Nguyên-tặc, dương to đôi mắt quắc,
Ngược đôi mày, khí sắc phản tinh-anh.
Thu kính-phục của ba quân nín thở,
Bạt khinh nhờn của võ-sĩ kiêu-căng,
Trần Bảo-nghĩa (1), gân xanh chằng-chịt cổ,
Không nhúc-nhích ly nào, chẳng nói năng.
Đổi sắc mặt, tự ngôi cao chủ soái,
Thoát-Hoan đi, xuống bực, miệng tươi cười,
Vái Bình-Trọng, rồi lại gần cởi trói :
Cỏ cây rung, mây gió, chuyển xoay giời...

Đương giữa lúc thành Đông Trần Quốc-Tuấn
Đẩy xe Vua, trầm-mặc tính mưu thần,
Giữ đất Nghệ, đón Toa-Đô đánh chọn,
Chiêu-minh-vương (1) thế yếu rút binh dần,
Đường xứ Lạng, dân-binh cùng Lĩnh, Lộc (2)
Giận xung thiên, cam-kết phải vầm thây,
Thây Trần-Kiện, thây con người phản-phúc,
Đã đào-ngũ lìa Vua, bỏ bạn, thầy...
Đương giữa lúc Phú-lương-giang một dải
Tự Thăng-long đổ xuống huyện Nam-xang,
Chiến-thuyền địch tung hoành sông, bến, bãi,
Muôn ngàn chèo Đại-Việt hóa đao thương,
Với sào, gậy, lưới câu cùng gọng vó,
Với mỏ-neo, đục sắt, cột buồm, giây,
Lảng chải lưới hy-sinh trên sóng vỗ,
Để giữ từng giọt nước, tấc bùn lầy.
Thì Bình-Trọng Tướng-quân đây lặng-lẽ
Như thần-tượng ngồi ngay, nhắm mắt nghiền,
Trong ngục-thất nơi lầu cao vắng-vẻ,
Nơi trước kia Vua ngự ngắm trăng lên.
Một bộ mặt, một cách ngồi uy-dũng,
Xếp bằng-tròn, tay nắm chống lên đùi,
Không thay đổi, qua bao ngày chẳng uống,
Chẳng ăn, mặc đêm đi, sáng lại hoài,
Mặc tất cả, mặc ai nhời uyền-chuyền,
Cố khuyên hàng, khi dọa cứng, lúc khen mềm,
Khi dâng chén trà mây hương ngát quyện,
Lúc hoa gần thỏ-thẻ tiếng oanh êm,
Mặc tất cả, mặc sơn-hào hải-vị
Tỏa hơi lên toan xé dạ cô-trung,
Với nhạc-khúc gợi khêu tình uỷ-mỹ,
Muốn ép tan hồ lệ lấy đôi giòng.
Tướng-quân sống bằng trầm ngâm vận-dụng
Cả kho-tàng sinh-lực của ông cha,
Bằng hút cạn tinh-hoa của nòi giống,
Bằng khí thần cực-mạnh nước non nhà,
Bằng hình ảnh hữu-hồn gương lịch sử,
Có sức thần lay tỉnh trái tim ngừng,
Sức nhuộm máu tươi mầu, sức nẩy nở
Đoá hào quang quấn tóc lúc nằm sáng.
Kìa đột biến thân hình trong khoảnh-khắc,
Đấng Anh-nhi (1) yêu nước, cảm thương dân,
Vung roi xám, nhảy phăng lên ngựa sắt,
Nhổ tre xanh, quét sạch lũ cường Ân.
Kìa tể-tướng Lữ-Gia, đôi mắt dữ,
Chẳng kiêng gì, chặt cổ những ai kia,
Vì cả đám vâng theo nhời Hán sứ
Xóa bản-đồ Nam Việt, tưởng hề chi.
Kìa Trưng, Triệu, giáp vàng, môi má thắm,
Thúc voi lồng, gió thổi tóc mây bay..
Người giống trống châu Phong thề rửa hận,
Kẻ mài gươm huyện Cống quyết ra tay.
Điền-Triệt (2) nọ, máu trôi tràn động Khuất (3),
Dạ-trạch kia (4), cỏ mọc rợp thành Long (5
Hấp đình Vệ, trăng theo hồn đế Hắc (6),
Ngập rừng Cam, sương cuộn bóng ông Phùng (7)
Reo sóng Bạch, đầu rơi quân Hán vơ,
Thét vua Ngô, gươm múa xác Hoằng tan.
Chiêm thành quốc rợn nghe danh tộc tổ (8),
Chi lăng quan mừng đón đức Lê Hoàn.

(Còn nữa)

MINH TUYỀN

---

1) Xin coi lai tiểu-sử Trần Bình Trọng đã đăng ở Tri-Tân những số 106, 108, 116

2) Bảo nghĩa vương là tước của Bình Trọng.

3) Tước của Trần Quang Khải.

4) Nguyễn Lĩnh và Nguyễn thế Lộc.

5) Phù đổng Thiên-vương.

6) Hồ Điền-triệt.

7) Động Khuất-liêu.

8) Châm Trần Dạ-trạch.

9) Thành Long-Biên.

10) Ở Vệ sơn, huyện Nam đàn, tỉnh Nghệ an, nay còn di-tích thành cũ của Mai Hắc đế.

11) Ông Phùng Hưng, tức Bố-cái đại vương, người làng Cam lâm, huyện Phúc-thọ tỉnh Sơn tây.

12) Trần Bình Trọng là dòng dõi vua Lê Đại Hành

THANH-NIÊN ĐỜI XƯA

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Từ ngày 17 đến 31 Octobre vừa rồi, thanh-niên bên Pháp có tổ chức một cuộc từ-thiện, đặt tên là « Mười lam ngày của thanh niên » La Quinzaine des jeunes) để phát quà bánh cho trẻ nghèo, đi tham trẻ con nằm ở các bệnh viện, quyên quần áo rét cho con những người bị tử binh và con các chiến-sĩ tử trận..., thế là thực-hành được một « khoa cứu khổ » và một « bài độ sinh ».

Ở nước ta, có những nhóm thanh niên, như đoàn Hướng-đạo, cũng có cái nghĩa-cử như thế; thực đã gây nên một cái phong-trào thanh-niên ra gánh vác việc đời, rất đích-đáng.

Phong-trào ấy có từ bao giờ?

Ở Âu-Mỹ, có từ ông Baden-Powell là một viên trống nước Anh; năm 1910 lập ra « đồng-tử-quân » (boy scout). họp những trẻ từ mười tuổi trở lên, để rèn sức khỏe, tập nết hay, trọng danh-dự, cùng nhau theo một kỷ-luật như nhà binh.

Từ ngày Âu-chiến (1914-1918) đến giờ, phong trào ấy nổi lên mạnh và mau lắm: thanh-niên nước Pháp cho ra những tạp chí rất có ý-nghĩa, đặt tên là « Văn-hóa » *(Culture)*. « Văn-minh » *(Civilisation)*, « Ý chí » (*Volontés*), « Tinh-thần » (*Esprit*).. Các báo-chí lớn mở ra những cuộc điều-tra về ý-kiến và ý-nguyện của thanh-niên các nước Âu-châu (*Ce que pense la jeunesse européenne*, đang trong *Revue des Sciences politiques*, từ quyển 47, năm 1924, đến quyển 54, năm 1931), nhiệm-vụ của thanh-niên nước Pháp (Paul Hazard, *Au pays de la jeunesse*, đăng trong *Revue des deux mondes*, 1er Octobre 1939; Xavier de Lignac, *Enquête sur la jeunesse*, đăng trong *Revue de Paris*, 1er Septembre 1937, 15 Novembre 1937, v. v.); lại có cả bài bàn về thanh-niên nước ta nữa (Henriette Chandet, *Jeunesse d'Annam*, đang trong *Revue de Paris*, 15 Novembre 1938).

Ở nước ta, hiện đã có báo-chí bàn đến thanh-niên đời nay, nên tôi không phải nói đến, tôi chỉ theo sách nho kể lại vài truyện về thanh-niên đời xưa.

Trước hết phải định nghĩa hai chữ « thanh-niên » là vào hạng tuổi nào. Xem những bài điều-tra của người Pháp vừa nói trên, thì phần nhiều cho từ 21 đến 32-33. Về thanh-niên của ta, sách nho không định rõ. Lấy nghĩa đen, thì « thanh-niên » là tuổi xanh, tức là tuổi trẻ, ví như cây lúc lá còn xanh. Kinh Lễ có câu: « Con giai 20 tuổi làm lễ đội mũ », tục-ngữ ta có câu: « Giai 30 tuổi đương xuân ». Cứ hai câu ấy, thì có thể định nghĩa từ 20 đến 30 tuổi.

Nhưng theo sách nho, những người thông-minh sớm lại có hai tên nữa, là « thần-đồng » và « thiếu-tuấn ». Thần-đồng là đứa trẻ con thông minh khác hẳn người thường, 7-8 tuổi đã nổi tiếng. Thiếu-tuấn là người có tư-chất thông-minh từ lúc trẻ, vào khoảng 12 đến 20 hoặc 22 tuổi đã đỗ đại-khoa.

Những bậc thần-đồng và thiếu-tuấn, chép trong *Đăng khoa lục* (sách in bằng chữ nho), thì triều Trần (1225-1413) có ông Nguyễn-Hiền 13 tuổi đỗ trạng-nguyên, ông Trần đạo-Tái 14 tuổi và Lê-văn-Hưu 18 tuổi đỗ bảng nhỡn, ông Đặng-ma-La 14 tuổi đỗ thám-hoa, ông Nguyễn-trung-Ngạn 16 tuổi đỗ hoàng-giáp, ông Lý-đạo-Tái, Nguyễn-Trãi, Vũ-mộng-Nguyên, đều 21 tuổi, đỗ thái học-sinh (tức tiến-sĩ). Còn nhiều ông nữa, nhưng *Khoa lục* triều Trần chép thiếu, thành ra không biết rõ được bao nhiêu bậc thần-đồng và thiếu-tuấn. *Nam-sử tập-biên* (bản sao của Trường Bác-cổ, số A 12, quyển 3, tờ 24 b) có chép thêm một vài ông nữa, như ông Nguyễn-văn-Long 18 tuổi đỗ trạng-nguyên, Nguyễn-văn-Cần 15 tuổi và Nguyễn-văn-Lân 16 tuổi, đỗ thám-hoa, v.v...

Đến đầu triều Lê (1442-1475), ông Nguyễn-Trực 20 tuổi đỗ trạng-nguyên, Nguyễn-như-Đỗ 19 tuổi đỗ bảng-nhỡn, anh em Nguyễn-nhân-Bị 19 tuổi, Nguyễn-xung-Xác tức Nhân-Phùng 19 tuổi, Nguyễn-nhân-Thiếp 15 tuổi, Nguyễn-nhân-Dư 17 tuổi, Nguyễn-nhân-Dịch 18 tuổi, năm người đều đỗ tiến-sĩ nhưng không đỗ cùng khoa. Trong đời nhà Lê (1418-1789), từ khoa thứ nhất năm 1426 đến khoa cuối cùng năm 1787, tất cả có 118 khoa, mà người thiếu-tuấn (tức là từ 22 tuổi giở lên) đỗ được 118 người. Những truyện các ông ấy, tôi đang chép ở bài *ông nghè triều Lê*,

nên không phải nói lại ra đây nữa.

Còn truyện những ông khi trẻ tuổi đi học được nghề gì truyền cho dân, hay khi tuổi trẻ có sáng-kiến gì giúp dân, như ông tổ nghề thợ, v.v., thì chỉ thấy tương-truyền không thấy chép được đích-xác, nên tôi nhắc qua ở đây thế thôi.

Từ đầu triều Nguyễn (1802) đến giờ, sách chữ nho có chép những bậc thanh-niên nam-nữ, đáng để làm gương cho ta sau này, nhưng sách chữ nho cũng chỉ chép qua-loa, tôi chọn mấy truyện chưa ai dịch ra quốc-ngữ như sau này.

Trước hết chép các bậc thanh-niên nữ-giới. Nước ta cũng như nước Tàu, từ xưa đến nay, vẫn theo thuyết « nam ngoại, nữ nội » của Khổng giáo, nghĩa là con giai làm việc ở ngoài, tức là xã-hội, con gái làm việc ở trong, tức là gia-đình, cho nên trừ bà Trưng, bà Triệu và một vài bà nữa, như bà Bùi-thị-Xuân, Hoàng-thị-Hân, Chu-muội-nương, là những bậc anh hùng tạo ra thời-thế, hay là những bậc gặp cảnh « giặc đến nhà, đàn bà phải đánh », còn những người được chép vào sách để truyền cho đời sau, thì toàn là những người hiền-phụ, tiết-phụ, liệt-nữ,, hiếu-nữ, không có truyện nào lỗi-lạc như đàn-bà Tây-phương, song cũng nên chép để học lấy cái tinh-thần của người xưa.

Như cô Bùi-thị-Tâm, người huyện Tuy-phước, tỉnh Bình-định, nhà nghèo, cha mẹ mất sớm, đứng trông nom việc nhà, nuôi các em bé. Mười tám tuổi chưa lấy chồng, có đứa cường-bạo muốn làm ô-nhục không được, dọa giết chết. Cô nghiêm nét mặt, mắng rằng :« Thà chết, chứ không chịu nhục ! » Đứa cường-bạo đâm chết. Năm Minh-mạng thứ 16 (1835) sắc cho biển vàng và kiến phường để tỉnh biểu (*Đại-Nam chính-biên liệt-truyện*, nhị tập quyển 44, tờ 2b). Phường là một thứ kiến-trúc để khuyên người làng xóm : thí-dụ như phường trung-hiếu, phường tiết-nghĩa.

Vũ-thị-Lựu, người huyện Gia-lộc, tỉnh Hải-dương, lấy người làng là Phạm-huy-Thái, sinh được hai con gái. Mười chín tuổi góa chồng, để tang ba năm, mỗi bữa ăn, đều có chào mời như khi chồng còn sống. Có một đứa con nhà giàu, thấy người có nhan-sắc, muốn hỏi làm vợ, bà không nghe : bố mẹ chồng thương tình góa sớm, cố ép lấy chồng, bà nhảy xuống sông tự tử, may có người cứu khỏi. Bố mẹ chồng biết là người bền chí, cũng theo ý bảo toàn. Bà nuôi hai con gái được trưởng thành, đều gây dựng cho cả. Người làng ai cũng khen. Năm Minh-mạng thứ 17 (1836) được vua ban cho biển vàng và tiền lụa, liệt vào tiết-phụ hạng ưu và theo lệ kiến phường để tỉnh biểu (*Đại-Nam liệt-truyện*, nhị tập, quyển 44, tờ 3a-b).

Lê-thị-Nữ, người huyện Phong-lộc, tỉnh Quảng-bình. Cha tên là Tảo là một người dân ở núi. Thị-Nữ có tính chí-hiếu. Năm Tự-đức thứ 24 (1871) Thị-Nữ 15 tuổi theo cha vào rừng kiếm củi, chợt có con hổ ở trong rừng nhảy ra vồ Tảo, Thị-Nữ đứng cạnh nổi giận kêu to cho người đến cứu, vội lấy củi đánh hổ : hổ bị đau buông Tảo ra, Tảo được thoát lấy dao chém hổ, hổ kêu rầm chạy vào rừng mất. Thị-Nữ vừa gánh củi, vừa đỡ Tảo về, người làng kéo lại xem, thấy lưng và bụng Tảo đều có dấu hổ cào, trình quan nghiệm xét ; vết thương sau khỏi. Việc ấy tâu vua nghe, vua sắc cho biển vàng bốn chữ « Hiếu hạnh khả phong » và truyền cho quan kiến phường để tỉnh biểu (*Đại-Nam liệt-truyện*, nhị-tập, quyển 44, tờ 10a).

Nói về nam giới, thì theo tục ta ngày xưa trọng về học sách và đi thi, cho nên những ông nào mà trong sách đã chép mấy chữ « lúc bé ham học », hoặc « tuổi nhỏ thông-minh » là những ông đã xuất-sắc cả. Còn những ông « vì nhà nghèo » hoặc « bồ-côi cha mẹ » mà vẫn « chịu khó theo học », rồi có ông thi đỗ, có ông đầu quân, làm được sự-nghiệp vẻ-vang công-danh hiển-hách, tôi lược dịch một vài ông để độc giả biết rằng cái tuổi thanh-niên của các bậc tiền-bối đã treo một tấm gương sáng cho ta soi chung.

Như truyện ông Nguyễn-trinh-Hoằng, là ông tổ khai-khẩn của ấp Hòa-ninh (ở tỉnh Nghệ-an), có mở trường học, tự mình dạy học không lấy tiền, nhà nào có con cháu không cho đến học, ông trách mắng, chính là hợp với lối « cương bách giáo-dục » của người Tây ; về sau trong ấp có người thi đỗ, trở lên thói tốt dân thuần : ông thật là một bậc thanh niên có công to với xã-hội.

Ông là người huyện Nghi lộc, tỉnh Nghệ-an, lúc nhỏ nhà nghèo, tính rất hiếu, thường xay thóc, giã gạo, thổi cơm cho cha mẹ ăn đã, rồi mới đi học. Năm Tự-đức thứ nhất (1848) đỗ cử-nhân, liền gặp tang cha, làm nhà ở mộ, nực rét không dời, ba năm như thế, đến khi hết chở, không chịu ra làm quan, vào làm nhà ở ấp Hòa-ninh để đọc sách và sinh-nhai, tự hiệu là Thổ-lương cư sĩ. Ở chỗ ấp ấy đất toàn cát già, không giồng-giọt gì được, cho nên người ở đấy chỉ có nghề đi cưa để nuôi sống, không biết làm ruộng đọc sách. Nguyễn-trinh-Hoằng bèn tự

mình đem người trong ấp ra khai khẩn đất hoang, cắt bỏ phần đất cát nổi trên, tính mẫu quân cấp bắt theo nghề nông : người nào cũng có chỗ nuôi sống, rồi bỏ hết nghề cưa.

Được vài năm, chỗ đất ấy đã thuộc, Nguyễn-trinh-Hoằng đặt ra nhà học để dạy những con em trong ấp : đứa trẻ nào không đi học, thì nghiêm trách phụ huynh. Nguyễn-trinh-Hoằng lại siêng việc dạy-dỗ, không lấy một đồng tiền học-phí nào, cho nên người ta vui theo nhiều. Làm bài *Tạo-phúc*, truyện *Sĩ, nông, canh, độc*, bài ca *Khuyến thiện* bằng quốc-âm, và bốn bài ca khúc *Vua tôi, Cha con, Anh em, Vợ chồng*, hàng năm, mùa xuân, tháng hai, họp dân lại nghe giảng. Phàm cầu, cống, đê, đường, đều bắt sửa-sang chấn-chỉnh hết cả. Người trong ấp đều phục lời ông nói là phải, yên vui làm nghề, ai ai cũng yêu - mến mà kính-sợ. Về sau phong - tục thuần - mỹ, văn - học mỗi ngày mỗi tiến, trong làng lần lượt đỗ hương. Người ta thường nói « Nhà quê phong-tục tốt » (Đã tắc mỹ tục), thực thế. Nguyễn-trinh-Hoằng cũng lấy chỗ gò vườn làm vui thú : hơn 40 năm chân không bước đến chỗ thành thị, thường bảo con rằng : « Ta sắp vì đạo nho mà làm quan, thì đạo nho không thi hành được ; ta sắp vì cha mẹ mà làm quan, thì cha mẹ không còn, chẳng thà chết già ở đây còn hơn. » Các bậc danh lưu, có người khuyên ông ra làm quan, ông đáp rằng : « Quan cao thì Hoằng này không thể được (bất khả), quan thấp thì Hoằng này không làm (bất năng). Rau rưa là tính quen của Hoằng này, làm người hiếu-thảo cố sức cày ruộng để cung thuế-má : ấy cũng là thờ vua đó, cứ gì phải làm quan. » Tổng-đốc Vũ-trọng-Bình mộ phong-tiết ông đến tận nhà thăm, dàng sớ xin cho một chức thủ-lệnh gần nhà : ông cố từ là có bệnh. Sau có quan muốn tiến-cử, ông cũng không nghe. Mất năm 68 tuổi. (*Đại-Nam liệt-truyện*, nhị tập, quyển 42, tờ 9b-11 a).

Lại như ông Trịnh-văn-Diệm, vốn nhà có thừa-thãi, lại sẵn lòng bố thí, thật là một người hào-hiệp, nghĩa-cử giống như thanh-niên ngày nay. Người huyện Hoằng-hóa, tỉnh Thanh-hóa, lúc nhỏ đi học, thi đỗ tú-tài, tính khiêm-tốn cẩn-thận, hay giúp đỡ người ta, bình - nhật thường chu-cấp cho người : trong làng đến quá nửa nhờ ông mà có ăn. Phàm việc gì là việc nghĩa, ông đều cố sức tán-thành, cứ một mực làm việc thiện. Gặp bấy giờ quân năm bính-tuất (1886) khởi loạn, ông Diệm giữ toàn vẹn được hương-thôn ; giặc bắt ép, ông không theo, nên cùng với hai con bị hại. Năm Thành-thái thứ nhất (1889) truy-tặng Hàn-lâm đãi-chiếu. Con là Trịnh-Kỳ đỗ cử-nhân (*Đại-Nam liệt-truyện*, quyển 42, tờ 16 a).

Có những ông vì nhà nghèo, hoặc vì bồ-côi cha mẹ, nhờ có người nuôi, chịu khó học, sau thành tài : như ông Phạm-Hội ở với chị, cố học đỗ thủ-khoa ; ông Lê-quí-Kiệm ở với chú, học lỏm, trước đỗ tú-tài đã nổi tiếng, sau học mãi thi mãi đỗ cử-nhân, thế mà hai ông đều không ra làm quan, học-trò theo học rất đông, như ông Kiệm có đến nghìn học-trò, con cháu đều đỗ-đạt cả, thật không phụ với tuổi thanh-niên.

Phạm-Hội, tên tự là Ấu-thông, tiên-tổ là người huyện Đường-an, tỉnh Hải-dương, sau đến làm nhà ở huyện Thọ xương, thuộc Bắc-thành (tức Hà-nội). Phạm-Hội lúc nhỏ bồ-côi cha, nhà nghèo, không nương-tựa vào đâu được, nhờ hai chị gái ở vậy nuôi mẹ và chăm-nom em bé, có người đem lễ đến hỏi, đều từ-khước nói rằng : chỉ dệt để kiếm tiền dùng cơm cháo. Khi ông Hội hồi lớn, thờ mẹ hết lòng hiếu : mẹ muốn uống nước hồ Tây, ông Hội mỗi ngày đi học về, tự múc một vò nước đem về để mẹ dùng. Sau bà mẹ mất, Hội đỗ thủ khoa. Hai chị tuổi đã cao, vẫn không lấy chồng. Đầu đời Minh-mạng (1820) Hội bổ làm giáo-thụ Anh-sơn, mắc bệnh, xin về dạy học-trò, thờ chị như mẹ : phàm việc nhà, đều bẩm trước, sau mới làm. Trong nhà hoà-thuận vui-vẻ, học-trò đều coi làm phép. Chị lớn mất trước Hội : Hội để chở ba năm, tang-sự đúng lễ. Sau chị thứ mất, con Hội cũng để tang như cha : người ta khen là một nhà chí-hiếu (*Đại-Nam liệt-truyện*, nhị tập, quyển 42, tờ 2 a-b).

Lê-quí Kiệm, tên tự là Bá-Tu, người huyện Hoằng-hóa, tỉnh Thanh-hoá, nhà rất nghèo, lúc nhỏ cha mẹ mất sớm, ở với chú. Chú làm ruộng, có mời thầy để dạy con học. Kiệm lúc ấy đã 18 tuổi, ngày đi chăn trâu, đêm về đem sách hỏi nghĩa, chỉ một lần là nhớ ngay : thầy lấy làm kỳ, khuyên người chú nên cho đi học. Từ bấy giờ càng để ý vào kinh-sử, năm 22 tuổi đỗ tú-tài, sau thi mãi, khoa nào cũng chỉ đỗ tú-tài. Lúc bấy giờ đã nổi tiếng với người cùng huyện là

Lương-kim-Huyền : sĩ tử theo học rất đông; người bấy giờ đã có câu truyền-tụng « Văn Kiệm, phú Huyền », ý nói cái sở-trường của hai ông. Năm Tự-đức thứ 5 (1852) đỗ cử-nhân. Ông là người thuần-cần, điềm-đạm, thường cáo-từ không ra làm quan, ở nhà dạy học-trò, kể có hơn nghìn người, phần nhiều được thành-lập : người ta đều suy tôn ông là bậc mô-phạm. Năm Tự-đức thứ 12 (1859) quan tỉnh cử ông là người có văn-học đức-hạnh, vua có chỉ chuẩn làm huấn-đạo Nam xương, chưa kịp đi thì mất. Con là Qui-Quỳnh, Qui-Diệu, đỗ tú-tài, Qui-Vĩ đỗ cử-nhân (*Đại-Nam liệt-truyện*, quyển 42, tờ 4 a).

Có ông lúc nhỏ thông-minh, hiếu-hữu chịu khó học, tuy không đỗ, nhưng có tiếng là người văn-học, nên được triệu-dụng, sau khi làm quan có làm sách dâng lên ngự lãm, như ông Ngô-kim-Liên dưới này :

Tên cũ của ông Ngô-kim-Liên là Ngô-kim-Lân, người huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên. Lúc nhỏ là người đĩnh-ngộ, đọc sách hễ qua mắt là nhớ. Ở nhà hiếu-hữu, cùng anh là Kim-Thanh cố chí chịu khổ. Năm Minh mạng thứ bảy (1826), vì là người văn-học, được sung vào Quốc-tử-giám. Năm Minh-mạng thứ chín (1828), kì liêu trúng hạng ưu, hậu-bổ Bắc thành, dần dần quyền nhiếp ba huyện Sơn-dương, Tam-dương và Thụy-anh, có chính-tích, liền được thăng Lễ-khoa cấp-sự trung. Năm Minh-mạng thứ 15 (1834), phái đi Nam-kỳ tra án Lê văn Khôi. Ngô-kim-Liên cho là nếu tra hỏi lôi-thôi thì bọn làm phản cáo-tỏ ra nhiều người oan, xin thôi không tra nữa : vua cho vì chỉ, bị tội, giáng chức. Năm Minh mạng thứ 17 (1836) gặp kỳ khảo tích, ông được bình-hạng, được hai lần kỷ-lục, rồi thăng lang-trung, dần dần biện lý công việc bộ Công và bộ Hộ. Năm Minh-mạng thứ 20 (1839) thăng bố-chính Hải-dương. Năm Thiệu-trị thứ nhất (1841) đổi thăng hộ-lý tuần-phủ tỉnh Hưng-yên. Năm Tự-đức thứ nhất (1848) tiến sách *Đại-học diễn nghĩa*, được thưởng tiền vàng. Mất tại chỗ làm quan *Đại-Nam liệt truyện*, quyển 27, tờ 5 a-6 a).

Không những ông Ngô kim-Liên, lại có ông Phạm-đình-Hồ, cũng là người lúc nhỏ ham học, mà thi mãi không đỗ. Khi vua Minh-mạng Bắc-tuần năm 1821, cho vời đến hành-tại, ứng đối xứng chỉ, trước còn ban bổng, sau cho thực chức. Trong khi ông làm quan, có soạn ra nhiều sách, dưới này sẽ kê theo bộ *Đại-Nam liệt-truyện*, nhưng có lẽ còn nhiều quyển chưa biết đến, như quyển *Vũ-trung tùy-bút*.

Tên tự Phạm-đình-Hồ là Bỉnh-Trực, người huyện Đường-an, tỉnh Hải-dương. Cha là Giáp đỗ hương-cống đời Cảnh-hưng (1740-1786) nhà Lê, làm quan đến thái-bộc tự-khanh. Phạm-đình-Hồ lúc nhỏ ham học, đi thi mãi không đỗ, bèn cố sức học-tập, nhớ nhiều, thuộc điển-cố : người đều suy-tôn. Năm Minh mạng thứ 2 (1821) vua Bắc-tuần, nghe tiếng, cho vời đến hành tại. Vua hỏi điều gì. Hồ điều-đối được xứng chỉ, ban cấp lương bổng, theo lệ hương-cống sung hành-tẩu lục bộ. Hồ dâng biểu và chép hai quyển *Lê-triều hội điển*, một quyển *Bang-giao điển lệ*. Các tập giấy tờ về việc vua Tàu sai sứ sang sách phong năm tân tỵ hiệu Cảnh-hưng (1761) dâng vua xem, liền vời về kinh, bổ chức hành tẩu viện Hàn-lâm, sau xin về. Năm Minh-mạng thứ 7 (1826) vời bổ chức Hàn-lâm biên tu, rồi thăng thừa-chỉ. Phạm-đình Hồ lại dâng sách, như *An-nam-chí*, *ô châu lục*. Vua ban khen và thưởng vàng lụa thăng Quốc-tử-giám tế tửu. Năm Minh mạng thứ 8 (1827) có chỉ dụ : Đình-Hồ có bệnh, cho về chức cũ (thừa-chỉ), được ít lâu thăng thị giảng học-sĩ, cho được tùy ban tâu việc. Sau nhân bệnh, cáo về, rồi mất. Thọ hơn 70 tuổi. Phạm-đình-Hồ là người học rộng, khảo-cứu nhiều. Xưa kia tổng-trấn Bắc-thành thường hỏi ông về sứ-trình sang Ai-lao và địa-đồ nước Đại man : ông đối đáp rất rõ-ràng, người ta đều khen ông là người kiến-thức rộng. Ông lại có chép tập *Nhật-dụng thường-đàm* và *Hy kinh trắc-lý*, lưu-hành đời bấy giờ (*Đại-Nam liệt-truyện*, nhị tập, quyển 25, tờ 7 a 8 a).

Trên kia đã nói, cái tuổi thanh-niên của các bậc tiền-bối, không phải là ai ai cũng chỉ chăm học để

(Xem tiếp trang 20)

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam. .	3$50
Tính các vị thuốc. . .	3 00
Khoa thuốc xứ nóng. .	2 00
Khoa chữa phổi. . . .	1 00
Khoa chữa mắt. . . .	1 00
Khoa chữa trẻ con. . .	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

cước quyển lớn 0$69, nhỏ 0$30.

Hỏi : *M. Nguyễn-xuân-Dương Lạc long 22 Tientsin Hanoi.*

TRI-TÂN ĐI THĂM

ĐÔNG DƯƠNG HỌC XÁ

CÁCH-CHI và MẠNH-PHAN

BỮA đó, một sớm thu tươi đẹp, dưới ánh nắng dịu dàng tưng bừng đùa dỡn trên nhành cây ngọn cỏ, chúng tôi ba người, ông chủ nhiệm Tri Tân, và hai chúng tôi xuống thăm Đông dương học xá.

Ngày đó, nhằm ngày các sinh viên đang bận buổi học ở trên trường, nên quang cảnh Học xá không lấy gì làm tấp nập.

Vừa tới cổng, chúng tôi thấy ngay hai tòa nhà mới mẻ, đang phơi mình dưới ánh nắng thu êm dịu, đứng sừng sững trước mặt chúng tôi nhưởng như niềm nở đón chào du khách.

Bước trên vỉa thềm để vào một buồng khách rộng rãi của một tòa nhà trong Học xá bầy biện một cách tối tân nhưng giản dị, chúng tôi như thấy lạc mình trong một hội quán nào của người ngoại quốc.

Ông tổng thư ký, Lafon, sau khi nhìn qua cánh thiếp, vội vã ra đón chúng tôi trước cửa buồng với vẻ mặt tươi cười nhã nhặn.

— Hôm qua, quan Chánh nha Học-chính có cho báo trước cuộc tới tham của các ông, nên tôi có ý đợi.

— Xin cám ơn ông, ông chủ nhiệm vội đỡ lời, chúng tôi lấy làm hân hạnh được tới thăm đây. Có lẽ chúng tôi phiền ông quá.

— Không, tôi lấy làm vui sướng được gặp các ông.

Rồi chiếc cười thân ái nở trên cặp môi của ông tổng thư ký Học xá phá tan sự bỡ ngỡ của buổi đầu gặp gỡ.

Sau khi giới thiệu chủ khách, chúng tôi an tọa trong buồng ông tổng thư ký với những giấy má và sổ sách quanh mình.

Chúng tôi để các số đặc san Tri Tân trên bàn, ông chủ nhiệm liền nói :

— Chúng tôi nhân tới thăm Học xá có mang theo ít nhiều các số đặc biệt đã ra mong ông chuyền giùm để tặng các sinh viên.

Ông Lafon nhận tập báo rồi tươi cười tiếp chuyện chúng tôi. Một làn không khí thân mật tỏa trong câu chuyện bốn người.

Sau dăm phút chuyện vãn, ông dẫn chúng tôi đi thăm các tòa nhà của Học xá đã xây xong.

Thoạt tiên ông đưa chúng tôi ra buồng khách rộng để xem qua cái kiểu mẫu đắp sẵn của toàn thể Học xá (maquette) bày giữa buồng rồi ông đưa đi thăm các chỗ ngăn buồng của các sinh viên.

***

Học xá làm trên thửa đất ở giữa cánh đồng phía hữu làng Bạch-mai. Phía trước Học xá đối diện với nhà thương René Robin. Phía sau là phố Bạch mai và xóm yên hoa Vạn-thái.

Sườn bên hữu đối diện với con đường 202 tức phố Nguyễn Du. Sườn bên tả giáp sở Vô-tuyến-điện và con đường Cống Vọng. Tất cả các tòa nhà đều gần thu gọn trong một cái hình năm góc (pentagone).

Mười tòa nhà ba tầng dành riêng cho các sinh viên. Những nhà ấy đều ở giữa khu Học xá và bao bọc một cái « Vườn tượng trưng » (Le jardin symbolique) theo sáng kiến của các ông Chauchon, Masson và Gilles, ba kiến trúc sư ở Saïgon.

Phía trước mặt Học xá, bên tả là một phạn điếm (restaurant) dành cho các sinh viên. Đối diện phạn điếm ấy là tòa nhà của ông giám đốc (logement du directeur).

Ở chính giữa phía trước là một tòa nhà công cộng (bâtiment général) sẽ có các buồng giấy của các ban coi về Học xá, thư viện và buồng hội họp của các sinh viên, vân vân.

Ở gần hai bên tòa nhà chung ấy có hai căn nhà khác : một dành cho ông quản lý (logement de l'économe) một cho ông tổng thư ký của học xá (logement du secrétaire général).

Sau tòa nhà ông quản lý là một bệnh thất (une infirmerie) để phòng khi các sinh viên đau yếu.

Phía sau học xá là một bãi thể thao lớn (stade) rành cho các cuộc đá bóng chân có xây một khán đài (tribune). Bên hữu bãi đó có 2 sân chơi quần vợt, 2 sân chơi bóng truyền tay (volley ball) và 2 sân chơi bóng rổ (basket ball). Bên tả là một bãi để tập thể dục (gymnase) hằng ngày với một bể bơi ở giữa.

Ngoài ra ở ba góc khu học xá có một nhà thờ đạo, một chùa xây theo lối Cao-miên và một chùa xây theo lối Bắc kỳ.

***

Đó là toàn thể khu học xá mà chúng tôi vừa sơ phác trên kia.

Hiện giờ, theo lời ông Lafon, công việc tiến hành tùy sự cần dùng của các sinh viên.

Nếu làm xong cả 10 tòa nhà thì khu học xá sẽ có 800 sinh viên lưu trú, vì mỗi nhà nhận được 80 người.

Mới có hai chiếc làm xong. Hiện 160 sinh viên đã tới ở. Ngoài ra, theo lời ông tổng thư ký, còn có tới trên 150 đơn các sinh viên khác cũng muốn lưu tại học xá.

Vì vậy hai tòa nhà đang xây dở : Một phải hoãn hẳn để làm gấp cái kia cho xong trước theo sự dùng khẩn cấp.

Ngoài ra, hai tòa nhà, một của ông giám đốc và một của ông tổng thư ký cũng đang xây gần xong.

Vì sự khó khăn hiện thời, các vật liệu đều khan, nên công việc xây học xá cần phải tiến hành dần dần.

Việc xây hoàn thành học xá không có một thời hạn nhất định như người ta thường tưởng.

Mỗi tòa nhà trong học xá đều xây theo sự dung hoà của hai nền kiến trúc Đông, tây (Xin coi hình vẽ dưới),

Mỗi sinh viên ở một căn buồng có màn, đệm, tủ áo, bàn học và đèn riêng. Chỗ rửa mặt nơi tiếp khách đều xếp đặt theo cách sống của người Âu.

Hiện giờ thư viện của học xá mới đặt tạm trong một căn phòng có chừng 500 cuốn do thư viện của Đại học đường chuyển xuống. Vì chưa xây phạn điếm nên thực đường (réfectoire) mới đặt tạm trong một căn nhà cổ của một tư gia xây khi trước ở khu học xá.

Ông tổng thư ký Lafon dẫn chúng tôi đi xem khu học xá trên tiếng đồng hồ. Chỗ nào ông cũng giảng giải cặn kẽ bằng giọng niềm nở.

Cuộc tới thăm chấm hết vào khoảng gần 11 giờ chưa.

Ra về, chúng tôi ai cũng còn nhớ hình ảnh nhã nhặn của ông tổng thư ký với mái tóc đã điểm mầu sương và với bộ mặt mà gió bụi của đời đã ghi vết trên đôi gò má.

Hồi tưởng lại tới khu đồng ruộng khi trước đầy mồ mả với ao chuôm, chúng tôi có những ý nghĩ tươi sáng về tương lai của thanh-niên tri-thức.

Xem cách sống của các sinh viên trong học xá hoàn toàn theo người Âu, trong óc chúng tôi bỗng nhớ tới những người dân quê lam lũ nơi đồng ruộng với những tâm hồn sốt sắng ở ba kỳ đã vui lòng góp góp mà hưởng ứng với nhà đương đạo để mong vun đắp đám người tươi đẹp « tương lai của đất nước ».

Đi thăm khu học xá chúng tôi còn liên tưởng tới cái chế độ học từ quốc tử Giám ở các triều Lý, Trần và của triều Nguyễn cận đại. Nhưng đứng về phương diện thực tế và quan sát, chúng tôi thấy rằng học xá Đông dương nếu một mai xây dựng xong sẽ là nơi mà các thanh niên được săn sóc chu đáo, khỏi lo đến những sự nhu cầu để tâm chuyên cần về đường học thuật. Và ở những nơi xa xôi từ chốn quê hương, đồng ruộng hay nơi tỉnh nhỏ chốn biên thùy các phụ huynh cũng có cảm tưởng là các con em mình tuy du học mà vẫn được sống trong cảnh quây quần đầm ấm.

CÁCH CHI và MẠNH PHAN

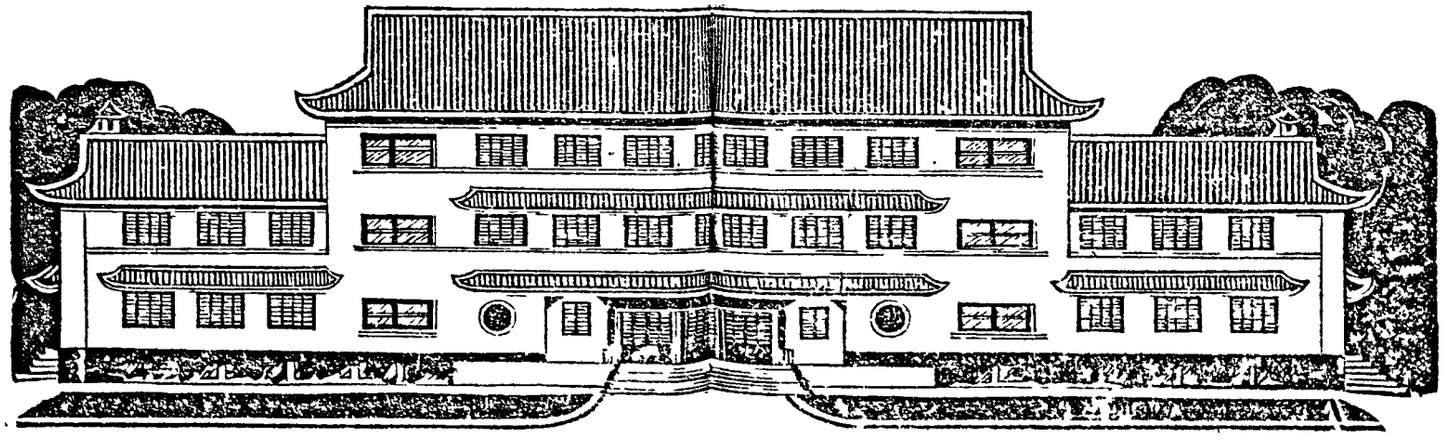

Một tòa nhà trong khu Đông-dương học-xá

MỘT CUỘC PHỎNG VẤN NGẮN

Các sinh viên đã nói gì về Đông dương học xá?

1· — *Cảm tưởng của các sinh viên đối với Đông dương học xá thế nào?*

2· — *Ở trong Đông dương học xá các sinh viên có điều gì mong ước nữa không?*

PHẠM-MẠNH-PHAN

TÔI trở lại khu Đông dương học xá vào một buổi chiều thu ấm áp. Nhằm đúng ngày chúa nhật nên các sinh viên phần nhiều đang chơi bóng trên bãi cỏ.

Trong căn phòng rộng rãi của học xá, trước bàn bi-a tôi gặp ngay một người bạn cũ.

Bạn Nguyễn viết Quỳnh *(ban luật)*

Kia, chào anh, tôi vồn vã bắt tay người bạn đồng học trước với một nụ cười thân ái.

Bạn tôi cũng niềm nở với chiếc cười nửa miệng.

— Lâu mới gặp anh. Vào chơi đây có việc gì mà đem theo giấy bút làm vậy?

— Tôi đi phỏng vấn cho Tri Tân. Nhân gặp anh đây, anh hãy nói cảm tưởng và điều mong ước của anh về Đông dương học xá cho nghe, vì đó là điều tôi muốn hỏi.

Đáp lại tôi bằng một nụ cười tươi sáng, bạn tôi dắt tôi vào ngồi phòng khách. Rồi quản bút trên trang giấy tôi thư thả biên lời bạn nói:

— Tôi mới vào đây thấy dễ chịu. Nơi ăn ở và chỗ học hành rất tĩnh mịch. Tôi thích nhất là được tự mình cai quản không phải nép mình dưới những luật lệ bó buộc chặt chẽ. Tôi được tự do, tự do hơn ở nhà.

Nhất trong lúc này được chỗ ăn ở tiện lợi với giá đặc biệt khỏi phải tìm những nhà trọ chật hẹp, tôi không còn mong gì hơn là mong có thêm nhiều nhà khác để các sinh viên không chỗ ở cũng được tiện lợi như tôi.

Ngừng cán bút, tôi vội ngắt lời:

— Đối với anh về sự sống hằng ngày có điều gì thiếu thốn nữa không?

Bạn Quỳnh trầm ngâm một lát rồi thư thả nói:

— Hiện nay công việc học xá còn bề bộn, nên bể bơi chưa xây và bãi tập thể dục chưa có. Tôi chỉ mong hai cái ấy chóng hoàn thành.

***

Bạn Vân Đình *(ban luật)*

Vừa đứng lên quay về bên phải, tôi gặp ngay một sinh viên khác mà tôi không quen biết.

Chìa tấm các nhà báo với tờ giấy biên sẵn hai câu hỏi, tôi tự giới thiệu.

Bạn Vân Đình đứng trước mặt tôi thấy hơi ngượng nghịu. Sau mặt bạn bỗng đỏ hồng và sau nửa phút nghĩ ngợi, bạn do dự:

— Tôi không thể nói được vì ông rõ, nói ra khó lắm.

Biết người tôi phỏng vấn có ý thoái, nên tôi phải phân trần:

— Hôm trước, tòa soạn Tri Tân chúng tôi xin phép quan Chánh nha học chính có tới thăm học xá. Ngoài bài tường thuật chúng tôi muốn mở một cuộc phỏng vấn ngắn bên cạnh các sinh viên.

Những điều tôi muốn bạn cho nghe cũng chẳng có gì là quá, chắc bạn vui lòng cho tôi làm theo ý muốn. Chúng tôi muốn biết sự thật, muốn biết cảm tưởng các bạn ở đây nên mới tới thăm. Nếu không ngồi ở tòa soạn chúng tôi đã tưởng tượng theo ý chúng tôi những điều bạn nói.

Bạn Vân Đình như thấu rõ ý định của tôi. Nể lời giảng giải bạn thư thả phát biểu ý kiến:

— Ở đây chúng tôi đủ điều kiện để làm việc. Giờ ăn ngủ đều hợp với sự sinh sống của đời cắp sách.

Tôi tự biết vì đâu mới có những sự tiện lợi này. Ngoài sự săn sóc của nhà chức trách và sự nhiệt tâm của các đồng bào ở ba kỳ, chính vì nhờ những dân quê, nhờ những tiền thuế của họ đóng mà tôi và các bạn tôi được hưởng sự tiện lợi đầy đủ làm vậy.

Cái ý ấy làm cho tôi nhận rõ cái trách nhiệm của tôi đối với họ để mong đền bù sau này trong muôn một.

Sợ người tôi phỏng vấn đi xa hơn những điều tôi hỏi, nên tôi vội ngắt lời.

— Ngoài sự ấy ra, bạn làm ơn trả lời dùm câu hỏi thứ hai.

Do dự và có vẻ nghĩ ngợi, bạn Vân Đình chậm chạp nói :

— Khó trả lời quá, tôi mới tới đây chưa biết rõ những điều mong ước. Điều đó ông nên hỏi những người đã từng ở đây năm ngoái.

Riêng tôi chỉ mong có một thư viện đầy đủ hơn có các sách và các báo chí vì lắm lúc muốn xem tạp chí quốc văn cũng không có.

Ngoài ra sau này nếu tất cả các nhà trong học xá hoàn thành tôi muốn yêu cầu các sinh viên Việt-nam được ở lẫn lộn trong một căn nhà, không phân biệt từng xứ Trung, Nam, Bắc. Đó là điều yêu cầu thiết tha của tôi.

Hiện nay vẫn ở lẫn lộn nhưng hình như chính phủ có đặt riêng tên từng tòa nhà, như tòa này gọi là tòa nhà Nam-kỳ (bâtiment de la Cochinchine), tôi e rồi các sinh viên các xứ sẽ ở rời rạc riêng mỗi xứ một tòa nhà, như thế chúng tôi ít dịp được gần gụi hiểu nhau mặc dầu vẫn ở trong học xá.

Tôi cảm ơn người tôi phỏng vấn rồi nhờ bác tuỳ phái tìm hộ một bạn cũ.

***

Bạn Kiều-Xuyến *(ban thuốc)*

— Anh để tôi nghĩ một lúc, bạn tôi nói với tôi bằng vẻ mặt tươi cười rồi ngồi im ra vẻ trầm tư mặc tưởng.

— Cảm tưởng của tôi về toàn thể thì rất tốt. Năm ngoái tôi đã ở đây. Tôi rất thích vì học được và sự giao thiệp với các bạn thiếu niên khác cũng được rộng rãi. Tôi được yên không bị các bạn bè quấy nhiễu.

Về những điều mong ước thì tôi tưởng ta ch nên mong cái gì có thể thực hành được, nhất là trong lúc này.

Tôi muốn có thêm báo chí ở ba kỳ để xem cho đỡ buồn, cả báo và tạp chí bằng hai thứ tiếng.

Và về sự tới trường thì hơi phiền một chút. Ngày nắng thì đường ô này dầy đến 5 phân tây bụi. Mỗi lúc có ô tô thì mù mắt không còn trông thấy gì nữa Thật là hại vệ sinh. Giá đường được tưới luôn thì hay biết bao.

***

Bạn Nguyễn-văn-Hồng *(ban thuốc)*

Bạn Hồng ngồi cạnh chúng tôi cũng nói tiếp :

— Đúng thế, đường dầy những bụi là bụi

Ở trong này chỉ thích một cái là giữa anh em thanh niên dễ có tình đoàn thể, một điều tối cần mà chúng ta hình như tự trước tới nay ít khi để ý tới.

Ngoài ra ở đây được có nhiều thì giờ, học được không phiền ai.

***

Bạn Nguyễn-Túc *(ban thú y)*

Thấy ý tôi muốn gặp một bạn ở ban khác, bạn Hồng liền giới thiệu bạn Túc quê quán ở Trung-kỳ.

Bạn Túc nói :

— Cảm tưởng của tôi ở đây thì không rõ rệt cho lắm. Hình như tôi thấy dễ chịu. Tôi chỉ ước ao có một buồng kín có cửa để đỡ phiền.

Tôi biết hiện thời có nhiều điều khó thực hành nhưng nếu xóm cô đầu ở đây thuyên đi nơi khác cho họ khỏi làm ồn ào thì hay biết bao...

Các bạn đứng chung quanh tôi nghe tới đây đều cười ồ và bạn Túc bỗng đỏ bừng đôi má.

***

Bạn Vy *(ban công chính)*

Cùng đứng trong buồng, bạn Vy thấy tôi cũng vui lòng phát biểu ý kiến. Cẩn thận hơn, bạn sự tôi thuật sai lời bạn liền lấy tờ giấy tôi đang viết mà tự mình b'ên lấy mấy giòng sau đây :

biết nhiều bạn và ăn ở vui vẻ hơn vì sống chung.

***

Các bạn Đoàn Giáp và Diệp minh Châu *(ban mỹ thuật)*

Một sự tình cờ may mắn đưa hai bạn đến trước chỗ tôi ngồi.

Hai bạn khác cùng đi thấy tôi phỏng vấn vội vàng dủ nhau chạy chốn vừa cười vừa nói :

— Chịu thôi.

Bạn Giáp rõng rạc nói :

— Ở đây sự sống hằng ngày được tiện lợi và được gặp nhiều bạn nên có tinh thần đoàn thể. Còn sự làm việc thì chỉ tiện cho các bạn ở ban khác chứ ở ban mỹ thuật chúng tôi quả thấy không tiện chút nào, vì vẽ cần phải một chỗ làm việc hơi rộng một chút, bàn con tỷ không đủ để các thức vẽ.

Bạn Châu cũng tiếp theo :

— Ấy chính thế, đối với chúng tôi cần phải có «*atelier*» riêng ngoài giờ làm việc ở trường.

***

Kết luận.

Tôi còn nói chuyện với một vài bạn khác như bạn Xuân Tường ban luật, song các bạn cũng chẳng cho tôi biết gì hơn ngoài những điều tôi đã ghi chép.

Tôi đã được gặp ở học xá các sinh viên ở ban thuốc, ban luật, ban mỹ thuật và các ban khác trong trường Đại học.

Tôi từ giã học xá giữa lúc mặt trời đã khuất bóng và sương mùa thu đã bắt đầu bao phủ lên vạn vật ở một khu đông đúc ồn ào.

Hết thảy các sinh viên đều có cảm tưởng êm đềm về Đông dương học xá, một chỗ hẹn hò không những của thanh niên nam xứ mà còn là của những thanh niên các nước tới đó để cố hiểu lẫn nhau mà sau này cùng nhau cộng tác trên con đường văn hoá.

Khi cả khu học xá hoàn thành, ở ngay chốn cố đô này nơi kinh Bắc, chúng ta sẽ tự hào cũng có «một xóm La tinh» như bên Pháp quốc.

PHẠM-MẠNH PHAN

Đón coi số sau :

ĐẶC SAN VỀ THANH NIÊN
(tập thứ hai)

THANH-NIÊN CÔNG-CHỨC VỚI QUỐC-VĂN

VỊ DƯNG

Chẳng nói tất ai cũng biết rằng *van-chương* của một nước trông cậy vào phái trí-thức. Tuy văn-chương Việt-nam có một phần hương-hỏa rất tốt đẹp do phái bình-dân, thôn-dã để lại và vẫn đương tô-điểm thêm — ấy là thể ca-dao phong-phú, nhẹ-nhàng — nhưng van-chương ta vẫn phải theo lệ chung là trông cậy vào đám «sĩ».

Giới học-thức ở nước người thì khó mà định bạn được, chứ như ở nước ta, có thể nói là gồm thu lại một thiểu-số công-chức giúp việc Chính-phủ. Nhóm sĩ của ta cũng cần phải sống như mọi người khác, nên trước hết là phải mưu y, thực. Không khó-khăn gì, các ông sẵn thấy một con đường đẹp-đẽ, đi vào là có ngay địa-vị, có ngay tiền-tài, có cả sự trọng-vọng. Đó là con đường đưa đến các công-sở. Thảng hoặc có những chí-khí khác, nhưng với cách tổ-chức xã-hội, với nền kinh-tế xứ ta, họ còn biết làm gì hơn mà không dễ thất-bại? Để tìm sống, mấy ai đã dám bước vào một nẻo không có gì là hứa-hẹn sự thành công?

Gia-dĩ, dân tộc ta xưa nay không từng là một dân tộc mạo hiểm. Đó là khuyết điểm chung của người Nam, cần phải lo bổ cứu. Có những người con, đã trưởng thành chứ còn nhỏ nhoi gì, nghĩa là đã có ít nhiều tư cách để xoay xở với đời, hễ muốn làm một công cuộc tạm gọi là khác với lề thói, đều bị cha, mẹ, chú, bác, họ hàng ngăn cản, lấy lẽ rằng công cuộc nọ chưa chắc đã mang lại cho con cháu mình sự an toàn, sự thành công, sự phú quí. Vẫn hay bổn phận người trên là phải săn-sóc đến tương lai của lớp hậu tiến, nhưng săn sóc đến làm mất chí hăng hái, làm át tiếng gọi mới lạ đi, tưởng không phải là điều nên vậy. Sự phú cường của một nước không riêng nhờ một ngành hoạt-động nào, song phải nhờ hết thảy mọi người trong hết thảy mọi ngành hoạt-động.

Kể từ lớp tiên-phong với Phan-kế-Bính, Phạm-duy-Tốn, Nguyễn-văn-Vĩnh, Tản-Đà, Phạm-Quỳnh, Dương bá Trạc... đã ba mươi năm nay mà văn chương ta tuy có tiến về chiều rộng, nghĩa là đã lan ra nhiều thể, vẫn không nuôi nổi một lớp tín đồ sống hẳn vì nghệ thuật và nhờ nghệ thuật. Người ta trách quốc dân không ra sức phù trợ cho văn chương chóng thành cơ sở, chóng thành một nghề nuôi sống được kẻ theo nghề. Trách sự lãnh đạm ấy cũng phải; ta còn trách thêm cả sự thiếu người sống là chỉ phụng sự văn chương. Trông vào lớp trí thức thì lớp ấy phải hướng tài cán vào các công sở để mưu một cuộc sống chắc chắn với số lương tháng. Một giạo người ta còn kêu Chính phủ không cấp đủ việc làm cho giới trí thức. Có bao giờ Chính phủ lại phải có bổn phận chỉ tạo ra có một giai cấp đâu? Sự hiểu lầm ấy đã đàm re ăn sâu, và chúng ta chỉ mới bắt đầu tỉnh ngộ từ ít lâu nay, vì kinh tế xoay chiều và vì thời thế đã xô đẩy người mình vào nhiều ngành sống khác.

Chúng ta đã xét qua những lẽ khiến bao nhiêu bộ óc cần thiết cho văn học việt nam lại không thể chuyên-chú vào con đường ấy. Giờ thử nhìn xem giới trí-thức của nước ta, một khi đã thành ông phán, ông tham, ông giáo, ông đốc... có thể giúp gì cho quốc-văn. Sự giúp ấy có hai cách, một là đem thì-giờ còn lại ngoài buồng giấy, dùng vào việc xây đắp cho nền quốc-văn, hai là nâng-đỡ nhà văn bằng cách mua đọc những tác-phẩm của họ.

Chúng ta hằng thấy các công-chức, sau buổi làm việc, tự cho mình quyền giải-trí bằng đủ mọi cách. Ở nhà cô-đào, các ông có cần gì nghe những câu văn hay, đối khéo, cũng không để ý mấy đến cung đàn, dịp phách. Chỉ những khoé thu-ba đưa-đẩy, những chén rượu kề môi, những đụng chạm vô tình mà hữu ý, còn gì nữa?... là chiếm lấy tâm-hồn các ông. Rồi các ông say trong men nồng, chìm trong biển ái. Nếu không thế, các ông lại họp nhau sát phạt, nào tổ-tôm, nào ít-xì, nào sóc đĩa, và mới đây, một thú chơi «thượng-lưu» là mạt-chược. Tiếng trống, tiếng sênh, tiếng bac chuyền-vần đã làm quá ồn-ào, rộn-rịp khắp chợ thì quê rồi, lại cần thêm tiếng kèn khiêu-vũ nữa khiến cho hầu hết các tỉnh-thành quên cảnh đêm dày bóng phủ. Âm-nhạc uyển-chuyển, áo mảu phấp-phới, men rượu ngọt-ngào thấm-thía, đã lung-lạc bao nhiêu khối óc thông-minh.

Có người nói cá-nhân sa-ngã là vì hoàn-cảnh, nhưng chắc không ai cho rằng cá-nhân hoàn-toàn vô tội; và càng được tự-do lại càng có nhiều trách-nhiệm đối với thân mình. Cũng may, theo gương tái tạo nước Pháp, nhờ những nhà chính-trị cương-quyết, xã-hội ta đã bắt đầu rẽ sang một con đường nhiều hứa-hẹn. Chúng ta hãy đánh dấu lấy bước đầu của giai-đoạn mới này.

Đã không thể tự tay giúp vào việc gây-dựng nền quốc-văn, giới công-chức lại cũng không đỡ-đần bao nhiêu cho những người có chí-hướng ấy. Trong những phút rảnh việc ở buồng giấy, trong những phút còn lại sau buổi chơi phiếm, các ông đọc gì? — Một tờ báo hằng ngày mà phần nửa số trang đã dành cho những khuôn quảng-cáo đủ mọi thứ thuốc. Ngay những hồi giá báo còn rẻ, số người mua đọc cũng là ít-ỏi. Đến như báo hằng tuần và sách — kể cả mọi loại — thì thực trật-vật lắm mới bán hết một nghìn trong khắp cõi Đông-dương. Đành rằng những sách, báo bằng quốc-văn có thể giúp cho sự học-vấn, hãy còn hiếm, phải nhờ sách tàu, sách tây, nhưng đã là công chức rồi ít ai còn bền chí học. Ngày xưa học để «nên quan», ngày nay cũng học để «đi làm», khi mục-đích đã đạt, cái học để biết bị coi là một điều thừa.

Bảng thống-kê của thư-viện trung-ương cho ta biết chỉ có loại phiêu-lưu tiểu-thuyết (thí-dụ của A. Dumas) là được chuyên tay nhiều nhất. Một bậc đàn anh nhiệt-thành với quốc-văn đã khuyên phải học ít ra đến năm 30 tuổi, Một nhà học-giả khác thì dẫn-dỗi một cách đáng mến rằng phải nhốt thanh-niên lại mà bắt đọc sách. Trong khi ấy, thanh-niên ta lại bắt đầu để cho mỏi mòn tâm-trí, cùn nhụt thông minh vì những trận cười qua đêm trắng, hay miên man trong những thắc mắc của tình trường.

Tính thờ ơ với văn chương đã không nên có rồi, thói lãnh đạm với quốc văn, lại càng phải nên bỏ lắm. Còn gì chướng tai hơn là một câu chuyện thường thức, không có tính cách chuyên môn, giữa hai người cùng nước, lại nói bằng một tiếng ngoại quốc. Cái lối miệt tiếng mình sinh chữ người ấy đã làm cho nhiều khách ngoại quốc phải ngạc nhiên trước những ngôn ngữ cử chỉ của «con Tiên cháu Rồng!»

Ít lâu nay, báo chí và tiểu thuyết nước ngoài không nhập cảng được, sự du hí bị hạn chế, lại nhờ Chính phủ khuyên ta tập lấy những ý tưởng thanh cao, giới công chức đã bắt đầu quay lại với quốc văn. Người ta đón đọc tờ báo hằng ngày với một vồ vập vì nóng biết tin tức thế giới, và tuy không để tìm những câu văn hay, người ta đã thân mật với quốc văn hơn, bởi ngày ngày dùng đến và phải nghĩ ngợi vì nó. Người ta đã ham đọc sách quốc văn, cả những loại khô khan. Giấy dầu kém, những nhà xuất bản thi nhau mở cửa, và, tuy hãy ít ỏi, những quyển sách có giá trị về từ ngữ, văn học, lịch sử và triết học, đua nhau ra đời. Sự cố gắng ấy đáng mừng cho tương lai văn học Việt-nam lắm thay!

***

Để kết, chúng ta nên nhắc lại rằng quốc văn trông cậy vào giới «sĩ» nhiều lắm. Tuy ngày nay có nhiều ngành hoạt động xứng cho phái trí thức tham dự, nhưng giới công chức vẫn còn là giới đông có đủ tư cách nâng cao quốc văn. Chúng ta hãy mong giới ấy — nếu không vì cảnh khó khăn nào khiến phải bận rộn — nên lưu tâm học thêm rồi đem sở học bồi bổ cho quốc-văn.

Có người sẽ bảo: «Tôi không thấy có khiếu về văn chương thì làm sao mà viết văn được?» Đành rằng thế. Song cứ gì phải viết báo, làm sách mới là giúp ích cho quốc văn? Có những cách, thiết tưởng không ai không làm được để nâng cao trình độ quốc văn. Không kể những nhà buôn bán giàu có, ngay các công chức cũng có thể tháng tháng bớt một số tiền nhỏ mua báo, mua sách. Món hàng văn chương chạy hơn thì những người chế-tạo ra nó — những nhà văn chân-chính — cũng được nhiều quyền-lợi hơn. Họ sẽ đỡ lo về sinh-kế, tâm-hồn sẽ thảnh-thơi, họ sẽ can-đảm hơn, trong công-việc phụng-sự quốc-văn.

(Xem tiếp trang 22)

Phòng thuốc
CHỮA PHỔI
chuyên môn về bệnh Phổi
15 hàng Bè (Radeau)
Hanoi — Tél. 1630
Giờ mở cửa:
Sáng từ 8 đến 12 giờ
Chiều từ 2 rưỡi đến 7 giờ
Chủ nhật nghỉ buổi chiều
Đặc biệt: *Thứ ba, thứ sáu xem mạch, cho đơn không lấy tiền.*
Ở xa mua thuốc gửi tính hỏa giao ngân. Và muốn hỏi bệnh gì, đính theo tem 0$06, sẽ được trả lời ngay.

Thanh-niên và nghị-lực

ÁI-LANG và BÍCH-CÂU

寧爲百夫長
Ninh vi bách phu trưởng
勝作一書生
Thắng tác nhất thư sinh

Bạn !

Lúc này hơn bất cứ lúc nào, bọn trẻ như chúng ta phải cố gắng. Con thuyền đã trót ra khơi, gặp cơn sóng cả, gió to, không lẽ lại lui về bến cũ. Về cũng dở-dang dưng càng nguy khốn. Sao bằng tiến thẳng, giữa nơi trùng trùng điệp điệp, gió thét sóng gầm, cánh tay nghị lực của thanh niên càng được dịp rèn luyện cho vững gân chắc cốt.

Bọn ta có sức sống. Cuộc đời là một lớp học rộng rãi không cùng. Cái đồ nát tất phải đồ nát. Lịch trình tiến hóa không dong cho sức chết bao giờ.

Bọn bất tài thiếu lực thời nào không là đa số. Đã hàng phục trước áo com, họ không đành an phận họ lại còn lấy đá buộc chân người khác, ngăn cản đường tiến triển của nghị lực bằng tất cả những cái cười mai mỉa, những đuôi mắt hoài nghi.

Đại đế Nã-phá-Luân nói :

— « Đời ngắn quá, không thể nào do dự được. Mỗi khi đã quan niệm được việc gì, lập tức tôi thực hành cho kỳ được việc ấy, sợ nữa thì ở gian chạy quá nhanh, làm không kịp việc. »

Một nhà viết sử Pháp viết : « Lịch sử nhiều khi cũng làm bằng sự lạc quan của thanh niên ».

Thiết tưởng bọn ta cũng nên lấy đấy mà suy vậy.

Nghị-lực ? Cả một chương-trình làm việc, cả một lý-tưởng man-mác không cùng.

Chiến thắng mọi nỗi khó-khăn ở đời, thế nhân trông cậy vào kiêm tiền, danh vọng, thế lực, vào trăm nghìn sức công khai và bất công khai. Ta, thanh niên, ta chỉ có một lợi khí : Nghị-lực.

Nghị-lực của thanh niên ta là gì ?

— Là tập-quán và linh-tính di truyền của mấy nghìn năm Nam tiến, Bắc chinh.

— Là sức sống thừa thãi tràn-trề, say-sưa sôi-nổi của những ngày xanh quý-báu, hơn vàng ngọc kim cương.

— Là sự chuyên-luyện kiên nhẫn, xiêng năng của một dân tộc cổ mà không nệ cổ, kim nhưng chẳng quá kim, sống ở một bán đảo hẹp hòi nhiều núi rừng và nhiều giông bão dưới một bầu giời nhiệt đới, nắng, sương, khí hậu chỉ lăm-le hãm hại con người.

— Là ý muốn mạnh mẽ cương cường của những lớp thanh niên hiểu biết, theo học nhưng không a dua, mềm rẻo nhưng không xu thời, cứng cáp nhưng không vọng động. Nghị lực học ở đâu ? Không có trường nào dạy cả. Ấy là sức mạnh tự nhiên của những tâm hồn say sưa vì lý tưởng. Ấy là thói quen của những tài trai từng chống trọi với những cơn sóng gió bất ngờ trong bể đời dồn-dập.

Xem sách thấy gì đâu ? Một mớ định thức khô-khan trừu-tượng của Jules Payot hay vài ba nguyên tắc vệ sinh cẩn thận, thông thường của Victor Pauchet, rồi thì xem cũng là hay, nhưng lúc hoạt-động thần tốc thì đành là xếp só.

Bắt chước cổ nhân trong sử chăng ? Những thời phong-kiến đã qua rồi, điều-kiện kinh-tế, xã-hội và lịch-sử không còn, vĩ nhân thủa xưa không thể nào là siêu nhân ngày nay được.

Vứt đi hết, những lối tập-rèn tỉ-mỉ của các ông quen đọc sách hơn là quen xoay xở việc đời, dậy thanh niên nghị lực mà quên rằng muốn theo được những phương pháp nói trong sách các ông, thì ít nhất, thanh niên cũng phải là người có nghị lực rồi.

Nghị-lực là kết quả dĩ nhiên của động lực lý-tưởng cao siêu trong những tâm hồn thăng bằng, những sức vóc tràn-trề nhựa sống, những thủ-đoạn quen đối phó với sự bất ngờ.

Nghị-lực ở lão thành đã là thói quen. Nghị-lực ở thanh niên mới thực là sức sống. Sức sống nhiều phen lồng lộn như ngựa bất kham. Ngựa hay thì sườn núi vượt mà không nguy hiểm, giông thác lội cũng vẫn dễ-dàng. Ngựa không hay thì lắm phen thực chi nguy cho kỵ

sĩ, đường muốn rút ngắn hóa đường dài, giốc nhỏ muốn trèo lên mà trèo chẳng nổi.

Nhưng nghị-lực ở hạng thanh niên chân-chính bao giờ cũng vẫn được cảm tình với thế nhân hơn. Vì hạng thanh niên ấy biết dùng nghị lực làm lợi khí để đi tới những mục đích vị tha. Nghị lực thanh niên rất nhiều phen vấp váp, nhưng một khi điều-kiện lịch sử để cho chiến thắng, thì kết quả thực phi thường.

Thanh niên ở xã hội chia ra làm nhiều lớp. Lớp sống trong cuộc đời vật lộn, than lấm, bùn đen, thường nhiều nghị lực xúc tích, tiềm tàng hơn lớp sống trong lầu cai êm đềm, quen những thú phù-phiếm thoảng qua hơn là quen những cơn rung động không thường trước một lý-tưởng bao la mãnh liệt. Sứ mạng lịch sử lớp trên bắt đầu lúc này, sứ mạng lịch sử lớp dưới đã hết, và hết có lẽ từ lâu rồi.

Bạn đọc những hàng chữ này! Tôi chắc bạn ở vào lớp thanh niên nghị lực. Bởi vậy, tôi không muốn nói nhiều hơn nữa.

Bạn không phải là người đủ thì giờ học nghị-lực trong sách của những thư viện bụi phong.

Bạn không phải bàn khoăn vì lý-tưởng, vì lý tưởng bạn nào mà chẳng có rồi; thâm thiết ở đây tâm hồn rộn rực.

Bạn không lý tưởng một cách «Tôi thầu khoán» và nghị lực lối «Ngựa đã thuần rồi, mời ngài lên cương».

Bạn đang gắng sức phấn-đấu, tôi còn an nhàn ở trước bàn viết này, tìm ý đẹp, gọt vận hay, dám đâu có quyền thẩm bình, phê phán, dám đâu học đòi dạy người thợ khéo múa rìu.

CÁC NHÀ HÀNG-SẢN HÃNG TÂM!

Mùa đông tới, biết bao người nghèo khó đã bị ma đói hành-hạ, lại sắp bị thần rét ra oai, manh quần tấm áo che thân không đủ, phỏng chịu sao nổi những cơn gió rét cắt ruột;

Ban «Cứu-Tế mùa đông» đã thành lập, do 5 Hội Thiện và 3 nhà báo hàng ngày ở Hà-Thành hiệp lại kiếm tiền để may 3 vạn quần áo rét phát cho người nghèo ở Hà-nội.

Cứu-tế đồng-bào là nghĩa-vụ chung, mong các nhà từ-thiện khắp các giới sẵn lòng giúp sức ban Cứu tế mùa đông để tiến hành công cuộc cho được kết quả mỹ - mãn.

Văn-phòng của ban Cứu-Tế mùa đông đặt tại Hội-quán Hội Hợp-Thiện 125 Boulevard Henri d'Orléans Hànoi. Dây nói số 598 và các số 247, 344.

Thư từ hay ngân-phiếu xin gửi cho ông Hoàng Hữu Huy, ủy-viên trường-trực.

Ban Cứu-Tế mùa đông Hànoi kính Cáo

Bạn hẳn không thích nghe nhiều nghĩa lý văn hoa, vì bạn ưa thiết thực. Một là nói được thì thẳng, bằng-băng. Hai là không nói nữa..

Toan dừng bút, chợt nhìn lên bàn thấy mấy câu thơ của Thâm-Tâm. Mơ màng chợt tưởng tiếng hùng-tráng bên bờ sông Dịch tự ngàn xưa vọng lại đâu đây:

Đưa người, ta không đưa qua sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt,
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?
Đưa người, ta chỉ đưa người ấy,
Một giã gia đình, một dửng dưng...
— Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ.
Chỉ lớn chưa về bàn tay không
Thì không bao giờ nói trở lại.
Ba năm mẹ già cũng dưng mong

(Tống biệt hành)

Thơ Việt còn có những lời ấy, thì nghị lực thanh-niên còn mạnh nhiều. Và trên đường đời, bọn ta phải thắng!

ÁI-LANG và BÍCH CÂU

Dạy học thuốc và chuyên chữa nội-khoa
theo thể-thức
ĐÔNG-PHƯƠNG
chỉ có:
Thượng-Đức
15 mission Hanoi — Tél. 1629
đã được tín-nhiệm hoàn toàn

Thanh-niên đời xưa

(*Tiếp theo trang 11*)

thi đỗ làm quan. Như ông Chu-văn-Nghị, tên tự là Lễ-phủ, người huyện Yên-phong, tỉnh Bắc-ninh, lúc nhỏ có cao-tiết. Năm Minh-mạng thứ 7 (1826) thi hội đỗ tiến-sĩ (*Đăng khoa lục* chép ông đỗ tam-giáp năm 40 tuổi, người xã Yên-phụ, huyện Yên-phong). Ông thường cáo-từ, không chịu ra làm quan, chỉ vui về sơn-thủy văn-chương, không ham vinh-lợi. Học trò theo học rất nhiều. Mất năm 56 tuổi. Con là Chu-văn-Giảng cũng có tiếng văn-học, đỗ cử-nhân nam Tự-đức thứ 17 (1864), dần dần làm đến thị-giảng sung chức đồn-điền phó-sứ (*Đại-Nam liệt-truyện*, nhị tập, quyển 26, tờ 26 a).

Lại như ông Hoàng-Quang, người huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên, lúc nhỏ chịu khó học, nghĩa-lý thấu suốt, giỏi văn-chương, sở-trường về lối quốc-âm. Tây-sơn biết tiếng, vời ra làm quan : ông không đến. Ông thấy chính-sự Tây-sơn phiền-hà, lòng người nhớ cũ, bèn làm bài ca, gọi là *Hoài Nam khúc*, đoạn đầu nói chúa Nguyễn khai thác khó nhọc, nhân-từ ân-đức thấm khắp mọi nơi ; đoạn dưới truy tội quyền-thần : lời văn hùng-tráng bi-ai, người ta tranh nhau truyền-tụng. Thái-trưởng công-chúa là Ngọc-Tuyên, con chúa Nguyễn-phúc-Khoát (1738-1765) được bài ca ấy, sai người đem về kinh Gia-định dâng chúa Nguyễn : chúa Gia-long truyền cho trong quân học, ai nghe cũng rỏ nước mắt. Năm tân-dậu (1801) lấy lại thành Phú-xuân, thì Hoàng-Quang đã mất... (*Đại-Nam liệt-truyện*, tiền-biên, quyển 6, tờ 22 a b).

Ông Đặng-đức-Thuật cũng không ra làm quan. Tên tự là Cửu-tư, không rõ người tỉnh nào, lúc nhỏ thông minh, học rộng, hay thơ, lại sở-trường về sử-học. Ông tránh Tây-sơn, làm nhà ở trong núi An-phước, thuộc tỉnh Bình-thuận, ẩn-cư dạy học-trò, học-giả gọi là « Đặng-gia sử-phái ». Năm 1788, chúa Gia-long lấy lại Gia-định, ông Thuật cùng với ông Lê-Đạt (người có văn-học, nhưng tính nóng, người ta gọi là « Đạt-hỏa » Đạt-lửa) cùng đến yết-kiến : chúa Gia-long thấy hai ông lão-thành túc học, đều trọng dụng, cùng bổ chức Hàn-lâm-viện thị-giảng gián-nghị, tức là can-ngăn vua, cũng như ngự-sử. Sau ông Đạt mất không kể. Còn ông Thuật là người cương-trực, gặp việc dám nói. Ông thấy luật đánh bằng gioi bấy giờ quá nặng, xin bỏ, nhưng chúa không nghe. Ông Thuật vốn nói lắp, ra ngoài nói với người ta rằng : « Nói mà không nghe, thì gián... gián nghị... nghị làm chi ? », rồi bỏ chức quan mà đi. Chúa sai giám-quân là Tống-phúc-Đạm đi theo gọi về. Ông lại về, sau theo chúa đi đánh trận, mất giữa đường. Khi ông Thuật ở Gia-định, các ông Trịnh-hoài-Đức, Ngô-nhân-Tĩnh, Lê-quang-Định, Nguyễn-Hương, nghe tiếng ông giỏi thơ, đều suy-tôn làm thầy để học. Phong-trào thi-văn ở Gia-định thịnh-hành bắt đầu từ bấy giờ (*Đại-Nam liệt-truyện*, tiền-biên, quyển 6, tờ 21 a-b).

Còn những ông nhà nghèo, lúc nhỏ phải lên rừng kiếm củi, sau đi lính dần dần cũng làm đến tổng-đốc, tổng-thống, công-lao rất là hiển-hách, vua kính-trọng, dân nhớ ơn, như ông Lê-đình-Lý (*Đại-Nam liệt-truyện*, nhị tập, quyển 27, tờ 11 a-12 b), ông Đào-Trí (quyển 26, tờ 3 a 6a), hay những quan văn như ông Phạm-hữu-Nghi, lúc nhỏ thông-minh, mới năm sáu tuổi, cha dạy *Đường-thi*, đọc một lần nhớ hết, sau đỗ cử-nhân, có soạn bộ *Đại-Nam văn-uyển thống-biên* : những truyện như thế phần nhiều dài lắm, muốn chép cho đủ, phải soạn hẳn một bộ sách ; nhưng cứ xem mấy truyện trên này, cũng có thể biết rằng dù công-danh hiển-đạt hay không, các bậc tiền-bối đều có chí từ lúc thanh-niên cả ?

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐÃ CÓ BÁN :

Khảo-cứu về Tiếng Việt-Nam

của Trà-Ngân giá 2$50

Các bạn mỗi người đều nên có một cuốn **Khảo cứu về Tiếng Việt-Nam**, để các bạn nói cho đúng, viết cho đúng tiếng nước nhà. — Các bạn còn biết cách làm các lối thơ, phú, từ, khúc, và còn được thưởng-thức những áng văn kiệt-tác trong văn-học-giới Việt-Nam.

Công-chúa tóc vàng

Tức Hoa Mai số 32

của Phan-Như giá 0$,20

THÁM-HIỂM GÒ KHÚC-RỒNG

Tức Hoa-Mai số 33

của Nguyễn-Phủ-Đốc giá 0$20

Nhà xuất bản Cộng-Lực

N° 9, Rue Takou — Hanoi

Một kiến-giải của bạn nữ thanh-niên đối với vấn-đề « cần-lao »

HAI ĐƯỜNG : làm việc bằng tay hay làm việc bằng óc ?

MỘNG SƠN

MỘT cô đến sở. Vội, nhưng dáng đi vẫn uyển-chuyển, dịu-dàng. Tới phố kia, chân thoan-thoát, miệng luôn-luôn mỉm cười, nói với cô bạn đồng-hành : « Vội, nhưng chúng ta biết rằng chúng ta muốn gì. Chúng ta sẽ làm nhiều lắm nên chúng ta vừa đi vừa nghĩ đến công-việc của chúng ta ».

Đấy là đôi bạn : chị Cường, thợ nhà máy và chị Thành, người viết báo. Một làm việc bằng tay, một làm việc bằng óc. Họ không chia-rẽ nhau. Trái lại, họ còn tương-thân, tương-ái vì họ cùng sống một đời hoạt-động. Chịu trận với đời lâu năm, họ đã biết được, thua, sướng, khổ, biết công-ơn của quá-khứ, biết khó-khăn của hiện-tại và lo sợ của tương-lai, họ đã biết hi-sinh liên tiếp để dự vào cuộc xuất-sản của xã-hội và sự cung-cấp cho gia-đình. Họ đã hiểu rõ giá-trị của sự cần-lao rồi.

Hơn nữa, họ biết rằng người đàn bà làm việc bằng tay và người đàn bà làm việc bằng óc, hai người dù ở vị-trí khác nhau nhưng cũng đều như nhau. Họ bình-đẳng lắm.

Họ bình-đẳng về tinh-thần vì mỗi người đều phải tách mình ra để góp mình vào cuộc tiến-hóa của xã-hội, mỗi người đều phải giữ lương-tâm và làm rõ lương-tâm vì, ở người thứ nhất cũng như ở người thứ hai, lương-tâm là một ngọn lửa lom-rom cháy luôn-luôn mà ánh-sáng là bổn-phận và khí nóng là tình nhân-loại.

Họ đều nhận rằng trong đời có những nhu-cầu khác nhau, có những thiên-bẩm khác nhau thì cố nhiên phải có những nghề khác nhau. Song, ngoài những thể-thức của nghề còn một cốt-cách chung : « cần-lao ».

Sự cần-lao, đối với tất cả mọi người, bao giờ cũng gồm đủ những luật-lệ của nó, những khó-khăn của nó và những cao-giá của nó.

Một người đàn bà thành-thực, thông-minh, hoạt-động không bao giờ lại bảo rằng làm việc bằng tay là kém làm việc bằng óc. Vì như vậy là so-sánh vô-lý, hẳn-học vô-ích và miệt-thị không đâu. Người hữu-tâm còn cho là bất-công, dại-dột và nhỏ-nhen quá nữa.

Làm việc là làm việc. Sao lại đem cái nọ mà chỉ-trích cái kia ? Và chỉ-trích như thế để làm gì ? nếu không có ý chia-rẽ !

Chúng ta cần biết rằng không bao giờ có sự sai-biệt hẳn giữa hai thể-thức. Không bao giờ !

Làm việc bằng tay cũng cần óc thông-minh giúp-đỡ : chị làm thợ, chị làm ruộng không bao giờ làm xong một cử-động gì mà không có óc chỉ-huy. Trái lại, làm việc bằng óc cũng cần nhiều sự vận-động của thân-thể đi đôi : nhà thạc-học (nữ kỹ-sư, nữ bác sĩ) đều phải làm thí-nghiệm, nhà nghiên-cứu (nữ văn-hào, nữ học giả) đều phải lục cảo thư-viện

Vậy thì rõ rệt là việc nào cũng có sự hiệp tác chặt-chẽ của vật-thể và tinh-thần. Làm việc bằng tay hay làm việc bằng óc, hai sự đó không thể xa nhau một trời, một vực.

Vị nữ bác-sĩ nào, đem những tiếng thiển-cận, vô-học, hạ lưu mà gán cho một chị thợ, không đáng cho ta kính mến. Đồng thời một chị thợ nào mà chê vị nữ bác sĩ là không vận động, không hoạt động, không thể tề gia được cũng tỏ rằng chị ấy xét đoán quá vội.

Phải không, các chị ? Bất kỳ một thỏa-mãn về tinh-thần nào cũng được đáp lại bằng một thỏa mãn về vật chất. Bất kỳ một đau đớn về vật chất nào cũng có một đau đớn về tinh thần đáp lại.

Lọc qua thời gian, tính cách của sự làm việc là vượt qua bết những thành kiến hủ bại, câu chấp, phản tiến bộ, vượt lên cao hơn một nghề, cao hơn những khoái-lạc của đời, cao hơn những đắc-thắng của đời, cao đến tột bực,

cao hơn là như tôi đã tưởng, cao hơn là như tôi đã thấy, cao quá, đến nỗi người theo nghề tin ở nghề như tin rất sâu một tôn giáo vậy.

Các chị thử coi! Nếu không có những tay lao động thì nhân loại này sẽ trơ nên khốn-cùng, thiếu-thốn, đói-khổ đến chừng nào? Và nếu không có những nhà trí-thức thì thế-giới này khác gì một bãi sa-mạc hoang-vắng, mọi-dợ biết bao nhiêu!

Vậy tinh-thần chỉ là phản-ảnh của vật-chất và những lưu-động về ý-tưởng chỉ là phản-ảnh của những lưu-động về sự-vật.

Các chị! Tất cả chúng ta phải làm việc vì chỉ có việc làm mới có giá-trị. Làm việc là khuôn theo luật của tự-nhiên và luật của xã-hội. Chỉ có kẻ ăn không ngồi rồi mới đê-hạ.

Bằng vào những điều kiện sinh-lý, tâm-lý, kinh-tế, xã-hội, chúng ta đã sống vì đời, ở đời thì chúng ta phải có bổn-phận dùng sức làm việc cho đời.

Hoặc-giả chúng ta làm việc ngay trong gia-đình khi việc chỉ ở khôn-khổ ấy, hoặc-giả chúng ta làm việc ngoài xã-hội khi những nhu-cầu buộc ở đấy. Thế là, ở chúng ta, luật làm việc đã trở nên thường-trụ, phổ biến, hợp theo mặt động của lịch-sử.

Các chị! Chúng ta hãy làm như những con ong, chia việc ra trăm nghìn, nhưng rút lại cũng đều có ích chung vì đều nhả mật vào trong một đỗ.

Đời là cuộc ganh hơn. Người là thân làm việc. Tiến lên! Tiến lên! Các chị! Mau tiến lên!

MỘNG SƠN

Thanh-niên công-chức

(*Tiếp theo trang 17*)

Ba mươi năm nay, quốc-văn dẫu có tiến thật, chỉ mới nhờ có một thiểu-số tín-đồ. Ngoài một ít công-chức chịu làm văn trong lúc nhàn-hạ, những nhà văn khác phải khó khăn lắm mới sống được nhờ « cây bút ». Những bài thơ, văn than nghèo không hiếm. Và lịch-sử văn-học xứ này đã phải ghi những cái chết đáng thương của những nhà văn túng-quẫn, hãy tạm kể Tản-Đà, Vũ-trọng-Phụng...

Trên kia, chúng ta đã nhận rằng không phải ai cũng có khiếu và thích làm văn. Văn-chương cũng như hội-họa, âm-nhạc, quần-vợt... chỉ để cho một số người vừa ham-mến vừa có tư-bẩm mới thành-công được. Vậy ta không thể mong rằng hết thảy mọi người cùng làm văn. Nhưng có thể mong rằng trong sự giao-thiệp, thư-từ, nếu không cần-thiết, phải tri thức nước ta nên bỏ đi cái lối mượn tiếng ngoại-quốc. Học tiếng người là để thâu-thái cái hay, cái cần rồi ra công bồ-khuyết cho tiếng mình. Chứ nếu lấy cớ rằng tiếng ta còn non-nớt, thiếu-thốn, văn ta còn luộm-thuộm, mà không muốn dùng đến, tức là không rèn-luyện, thời mong gì có ngày văn-chương Việt-nam có một địa-vị vẻ-vang?

Câu chuyện quốc-văn đã ít có dịp được nói giữa đám công-chức rồi, những câu chuyện khác lại bị nói bằng một thứ « tiếng lai » nữa. Vẫn hay có những vấn-đề, những trường-hợp mà quốc-ngữ không đủ rõ-rệt cho ta dùng. Tốt hơn là ta nói hẳn bằng tiếng mượn. Tất có người hỏi: « Trong công-việc sở hằng ngày, có những chữ Pháp dùng luôn nhưng tiếng ta không có, thì ta tránh thế nào sự « nói lai » được? » Chỉ vì không chịu dịch mà từ mấy thế-hệ công-chức trước cho đến nay, người ta vẫn nhắc đi nhắc lại những tiếng: *bordereau*, *dossier*, *arrêté*, *décision*, *arrivée*, *départ* vân vân... chúng ta nên hết sức mong — vì là một điều rất cần — rằng mỗi công-chức nên để ý và bàn với các bạn đồng-sự về việc dịch những chữ chuyên-môn trong sở mình. Đó là cả một vấn-đề lớn-lao cần có sự hợp-tác của hết thảy công-chức, của cả giới trí-thức xứ này. Giải-quyết được, giới công-chức có thể tự-hào rằng đã giúp một phần to-tát cho quốc-văn.

Hơn nghìn năm nội-thuộc nước Tàu, nước ta không mất tiếng ta. Huống chi người Pháp lấy chính-sách rộng-rãi mà bảo-hộ ta, đã không cố ý đồng-hóa, lại còn khuyến-khích ta gây dựng quốc-văn, gây-dựng tinh-thần nòi giống có lẽ nào chúng ta, mỗi người trong phạm-vi riêng, không cố công cho khỏi tiếng « vong bản »?

Ở những nước tiên-tiến, văn-chương, nếu không quí hơn, cũng giá-trị như hết mọi nghề để chung vào công-cuộc kiến-thiết quốc-gia.

VỊ-DUNG

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Phap

1p·00 một vé

Ngó sơ thanh-niên...

(Tiếp theo trang 3)

b) Xu-hướng khoa-học. — Từ những bài báo trên trang giấy « Lạc hương » đến những việc làm trong thực-tế, thanh-niên ngày nay đã tỏ ra có khuynh-hướng về khoa-học.

Một mặt, mấy nhà chuyên-môn viết báo, viết sách bàn cách chế-tạo những danh-từ về khoa-học để mong sau này người mình có thể dùng tiếng nam làm lợi-khí mà truyền-bá khoa học Thái-tây được.

Một mặt, mấy nhà kỹ-sư bắt tay vào việc: chế-tác những đồ lặt-vặt để tạm đáp lại những tiếng đòi hỏi trong thì-giờ cấp bách. Đó lại là một điềm mừng: xứ ta có hi-vọng sẽ « khoa-học-hóa ».

c) Khuynh hướng quốc văn. — Trước kia, công-việc truyền-bá tư-tưởng, gây dựng quốc-văn, người ta chỉ bỏ mặc: mấy nhà văn, nhà báo chuyên môn âm-thầm làm việc một cách cô-cút.

Nhưng nay khác. Nhiều nhà thanh-niên tân-học tuy làm nghề khác, ở địa vị khác, cũng hăm hở sốt sắng đối với quốc văn. Họ viết báo, họ viết sách. Công-việc họ làm dẫu có tính-cách « tài tử », những vẫn nhằm một đích chung để đi đến một cứu-cánh: thờ-phụng tiếng mẹ đẻ và làm giàu cho kho quốc-văn.

Họ nghĩ phải lắm, học Tây, là cốt để thâu-thái tinh-thần mới-mẻ, tư-tưởng hay hơ, và chủ nghĩa cao quý, chứ đâu phải chỉ chăm ở chỗ trích cú tầm chương, ở chỗ hư văn phù phiếm, hoặc ở chỗ âu-hóa vỏ ngoài.

***

Thanh-niên! Đối với Dĩ-vãng? Không nên khóc cái oanh-liệt đã qua, tiếc cái cơ hội đã lỡ; cũng không nên tự mãn tự túc vì chút hương-hỏa thiêng-liêng của ông cha để lại. Thanh-niên! Phải vui-vẻ đảm-đương lấy cái trọng-trách « kế vãng, quang tiền »: sao cho gương sáng của tổ tiên ngày khỏi mù mờ, bóng vinh-quang rọi lại từ xưa đừng đến lớp ta rồi tắt ngấm!

Thanh-niên! Đối với Hiện tại? Giữa đường ngồi khóc như chàng Vương-tôn, là *không dũng*. Ở ạt theo mù như đàn cừu của chú Panurge, là *kém minh*. Hớn-hở reo mừng trong cảnh « sớm ba chiều bốn » như bầy vượn của Thư-công, lại là *bất trí*. Hãy định thần, bền chí trước cảnh thuyền nan nước ngược giữa vòng biển trời man-mác, sóng gió ầm-ầm: sao cho nhằm đúng phương-hướng, cầm vững tay lái, chân sào, đi tới bờ bến hạnh-phúc.

Thanh-niên! Đối với Tương-lai? Không nên quá tin cái thuyết «sinh voi, sinh cỏ», cũng đừng quá bi-quan rằng « con thầy chùa lại quét lá đa », song phải nhận chân trước nhậm-vụ: giác-ngộ người đề muộn, dìu-dắt kẻ đi sau. Không bắc được chiếc cầu sắt qua sông, ít ra cũng phải cố làm cái cầu tre ngang lạch cho người sau khỏi lội lõm-bõm!

Muốn giác tha, độ tha? Trước hết ta phải tự giác, tự độ.

Thiên-đường hay địa-ngục? Chính tự mình gây lấy cả.

HOA BẰNG

1) Tôi đã nói rõ việc này trong cuốn « Quang-Trung » đang in.

Cải chính. — *Trong bài Ở đâu Đông Tây gặp nhau của ông L. đăng trong Tri Tân số 117 (ra ngày 21 10-43) ở trang 12-cột đầu trước in nhầm, nay xin đọc là:*

— Số loài bách, thiên. — *Ở đây, trong cột theo progression arithmétique r = 300, ta có thể rõ cho tới năm 2696 trước Thiên Chúa, là năm Hoàng đế đặt tên các năm thành từng giáp, kỷ...*

— *Hai con số 2700-2700 đăng ở đầu cột nhì, và ba ở trang 12 xin độc giả bỏ đi cho, cảm tạ* *Tri Tân*

Đã có bán

SIÊU HÌNH HỌC

của NGUYỄN-ĐÌNH THI

Một cuốn triết học nhập môn thật dễ hiểu nhưng không tầm thường. Một cuốn triết học sử phác được rõ ràng cuộc tiến hóa của nền triết học phương Tây.

Sách dày 350 trang-khổ rộng trình bày mỹ thuật. Bìa của họa sĩ Thụy chương *Giá 5$00*

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT — 29 — Lamblot — Hanoi

Hãy đọc

HỌC THUYẾT FREUD

Giá 2$50

Triết-lý về Vũ-trụ và Nhân-sinh — Giá 2$30

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC

của PHAN VĂN HÙM

(in lần thứ hai)

Đại lý nào chưa cho biết số sách lấy thêm xin kịp biên thư về.

Những sách của thư xã
ALEXANDRE DE RHODES

ĐÃ XUẤT BẢN

KIM-VÂN-KIỀU, *tome II (trọn bộ)*
cả bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
470 trang 17 X 24 tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
bản thường 3$00 — bản Vergé bouffant 8$50

CHINH-PHỤ NGÂM
cả bản dịch Pháp - văn của **BÙI-VĂN LĂNG**
120 trang 17 X 24 — tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
bản thường 1$50 — bản Đại - La Impérial 5$00

SẮP XUẤT-BẢN

TRUYỆN TRẺ-EM *của* **PERRAULT**
(Contes de Perrault)
Pháp-văn và Việt văn đối-chiếu—Một giai-phẩm về nghề-in toàn tranh ảnh và bìa 4 màu của MANH-QUỲNH
150 trang khổ album 22 X 32 gồm có 8 truyện rất lý thú, đã làm vui các trẻ-em thế-giới từ 300 năm nay.
bản thường 2$50 bản giấy Đại La 12$00
(cước-phí như Chinh phụ ngâm)

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN
của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng có điển tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn. Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho xuất bản tập « Văn liệu Từ-điển » giảng rõ những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển cố, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập sách ấy sẽ giúp ích cho người học - quốc-văn một phần lớn ».

Trích thư của
Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 × 25
Giá bán lẻ có 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi - HANOI
51, Doumer — HAIPHONG

NHÀ XUẤT BẢN

HÀO - QUANG

Trụ sở 62 Bonard Saigon
Giám đốc : ĐỖ NGỌC QUANG

15 Octobre 1943 sẽ phát hành

NHA NHO

tiểu thuyết của CHU THIÊN

Một thế hệ !
Một nhân vật !
và cả một linh hồn !
Giá : 4$50

Tổng phát hành | **HÀN - THUYÊN**
71 Tiên tsin Hanoi

đã có bán :

Tủ sách « TÂN VĂN HÓA »

TRIẾT HỌC LÀ GÌ?
của NGHIÊM-TƯ
HAN THUYÊN 2$50

ĐÃ PHÁT HÀNH

LUÂN LÝ THỰC NGHIỆP
của LÊ VĂN SIÊU 2$50

NGÕ HẺM

Một thế giới luộm thuộm, nheo nhóc, ồn ào kỳ dị với bao tấn kịch, hoặc vô cùng bi ai hoặc quyết liệt hào hùng dưới ngòi bút nên nói, linh động của

NGUYỄN ĐÌNH LẠP
Sách dày hơn 300 trang 3$50
HÀN THUYÊN : *71 Tien Tsin Hanoi*

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi